

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết nghiên cứu đề tài

Lợi nhuận luôn là chỉ tiêu mà các chủ doanh nghiệp quan tâm, nó cho biết hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả không và hiệu quả tới mức nào. Để đạt được lợi nhuận cao thì công ty không chỉ chú trọng vào tăng doanh thu mà còn phải kiểm soát chặt chẽ chi phí, và phải tính toán chính xác kết quả hoạt động kinh doanh. Bởi vậy, công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là vô cùng quan trọng. Nó ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả cuối cùng mà công ty đạt được. Vì thế, việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long là hết sức cần thiết. Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long, em đã có dịp tìm hiểu thực tế và biết rõ hơn về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cũng như tầm quan trọng của nó đối với việc nâng cao lợi nhuận. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, em đã mạnh dạn chọn đề tài nghiên cứu khoa học: "*Hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long*".

2. Mục đích nghiên cứu

- Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Mô tả thực trạng công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long.
- Đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu: Công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong đề tài này tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như:

- Phương pháp tổng hợp
- Phương pháp so sánh
- Hỏi ý kiến chuyên gia và khảo sát thực tế.

5. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, đề tài được chia thành 3 phần chính:

Phần I: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Phần II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long.

Phần III: Hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long.

CHƯƠNG I – LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất. Do đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ chi phí, doanh thu để biết được kinh doanh mặt hàng nào, lĩnh vực nào đạt hiệu quả cao, đồng thời xem xét, phân tích những mặt nào còn hạn chế. Từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra giải pháp, chiến lược kinh doanh đúng đắn nhất. Vì vậy, doanh nghiệp cần phải hiểu rõ vai trò của chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh để có thể tổ chức công tác kế toán thật hợp lý và phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, là nguồn vốn để tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác...

Đồng thời các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra doanh nghiệp phải xác định đúng đắn kết quả kinh doanh. Có như vậy thì doanh nghiệp mới biết được thực chất tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình, biết được xu hướng phát triển của doanh

nghiệp. Mặt khác việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Việc tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động của công ty cho chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, cơ quan chủ quản, quản lý tài chính, thuế... để lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế,...

1.1.2. Các khái niệm cơ bản

1.1.2.1. Doanh thu

Theo Chuẩn mực kế toán số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác" (Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu :

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Theo Chuẩn mực kế toán số 14, *Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp (DN) đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Thời điểm ghi nhận Doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

-Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo tiêu thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

-Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý : thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

-Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng : thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua nhận nợ.

-Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ Doanh thu bán hàng nội bộ

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty tính theo giá bán nội bộ.

* Các khoản giảm trừ doanh thu

- *Chiết khấu thương mại* là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- *Giảm giá hàng bán* là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Giá trị hàng bán bị trả lại* là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- *Thuế giá trị gia tăng phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỉ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu, đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu, nhập khẩu.

- * *Doanh thu thuần*: là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

- ❖ *Doanh thu hoạt động tài chính (DTHĐTC)*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của DN.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác":

Tiền lãi là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền, các khoản tương đương tiền hoặc các khoản còn nợ doanh nghiệp, như: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán...

Tiền bản quyền là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản, như: Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả,...

Cổ tức và lợi nhuận được chia là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

DTHĐTC được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- ❖ *Thu nhập khác*

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Theo chuẩn mực kế toán số 14, Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.2.2. Chi phí

Theo chuẩn mực kế toán số 01 - "Chuẩn mực chung" (Ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng BTC):

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí bao gồm:

❖ *Giá vốn hàng bán* : là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Ngoài ra, chi phí này còn là các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như : chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa,...

❖ *Chi phí bán hàng* : là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,...

❖ *Chi phí quản lý doanh nghiệp* : là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; các khoản trích theo lương; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp ;...

❖ *Chi phí tài chính* : là những khoản chi phí hoạt động tài chính, bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...

❖ *Chi phí khác* : là những khoản chi phí (lỗ) phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* :

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận (hoặc lỗ) của một năm tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

❖ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh : là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	=	DT BH và CC DV	-	Các khoản giảm trừ DT	-	GVHB	-	CP BH, QLDN
-------------------------------	---	-------------------	---	--------------------------	---	------	---	----------------

❖ Kết quả hoạt động tài chính : là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính.

Lợi nhuận tài chính	=	DT hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
---------------------	---	------------------------	---	-------------------

❖ Kết quả hoạt động khác : là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác	=	Doanh thu khác	-	Chi phí khác
----------------	---	----------------	---	--------------

❖ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số của Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD, Lợi nhuận tài chính và Lợi nhuận khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	+	Lợi nhuận từ hoạt động TC	+	Lợi nhuận khác
--------------------------------------	---	--------------------------------	---	------------------------------	---	-------------------

❖ Lợi nhuận sau thuế TNDN là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN.

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
-------------------------	---	-----------------------------------	---	-------------------

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Tính toán và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời khối lượng tiêu thụ. Vận dụng nguyên tắc giá phí và các phương pháp tính giá phù hợp để xác định chính xác giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả bán hàng.
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về tình hình bán hàng, tình hình quản lý chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, tình hình quản lý chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Tham mưu các biện pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay tổng vốn.
- Cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình bán hàng cho lãnh đạo để phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh, cung cấp số liệu, tài liệu cho các cơ quan quản lý phục vụ cho yêu cầu quản lý chung của ngành thương mại và của nền kinh tế.

1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo Nợ, Giấy báo Có
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

• Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

• Kết cấu:

Bên Nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất, nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có :

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

• Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

• Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp hai:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

❖ Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ

• Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

- **Kết cấu:**

Bên Nợ :

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có :

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
- Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp hai:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

- ❖ *Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại*

- Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

- **Kết cấu:**

Bên Nợ : Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có : Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thương mại sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

- Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

- ❖ *Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại*

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân : vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị kém, mất phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách.

- **Kết cấu:**

Bên Nợ : Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

Bên Có : Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

- Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

- ❖ *Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán*

- Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

- **Kết cấu:**

Bên Nợ : Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có : Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản “Doanh thu nội bộ”.

- Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

- ❖ *Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

- Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

- **Kết cấu:**

Bên Nợ :

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ.
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào ngân sách Nhà nước.
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên Có :

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách Nhà nước.
- Tài khoản 333 có số dư bên Có hoặc bên Nợ (nếu có).
- Tài khoản 333 có 9 tài khoản cấp 2, trong đó, để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng tài khoản 3331, 3332, 3333:

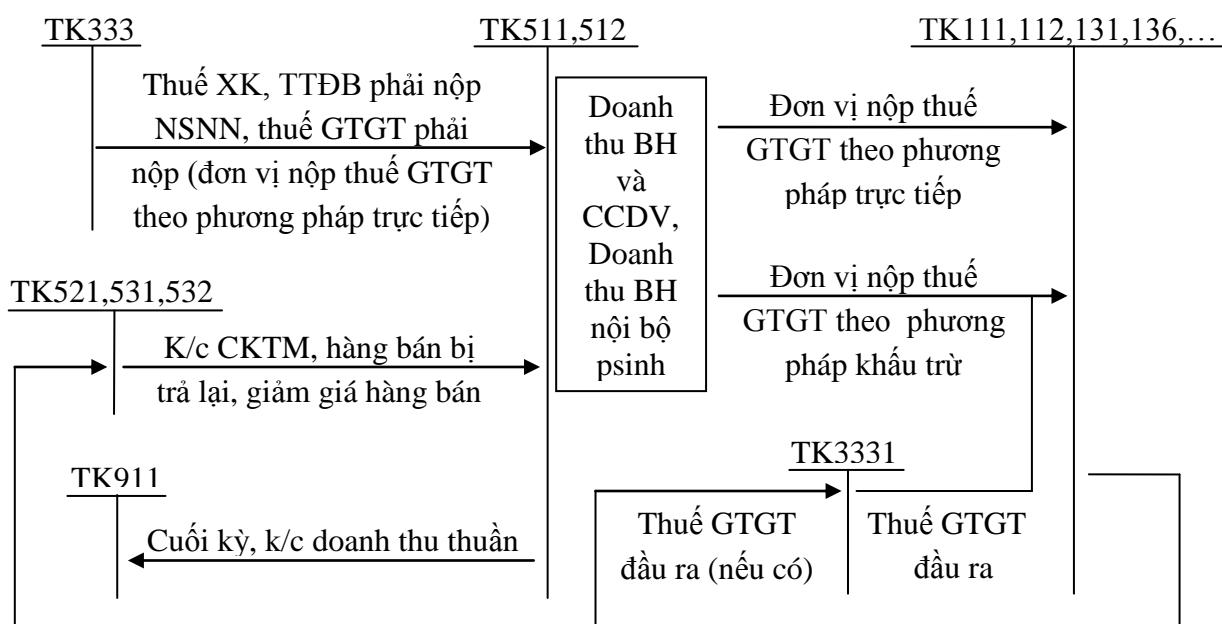
Tài khoản 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tài khoản 3333 – Thuế xuất, nhập khẩu

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1.



Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán"

- Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư (BĐSDT); giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với DN xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

- Kết cấu:

- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Bên Nợ :

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên, vật liệu, chi phí nhân công, chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho. Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Số khấu hao BĐSĐT trích trong kỳ.
- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT.
- Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động, bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ.
- Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ.

Bên Có :

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản "Xác định kết quả kinh doanh".
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Bên Nợ :

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có :

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ tài khoản “Thành phẩm”.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

*** Ngoài ra, nếu doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ thì còn sử dụng tài khoản 631 – “Giá thành sản xuất”**

Tài khoản này phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn,... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Kết cấu:

Bên Nợ :

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có :

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632.
 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154
- “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”.

Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Căn cứ vào chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho" (Ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng BTC), thì việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Phương pháp tính theo giá đích danh : được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được

Phương pháp bình quân gia quyền : giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

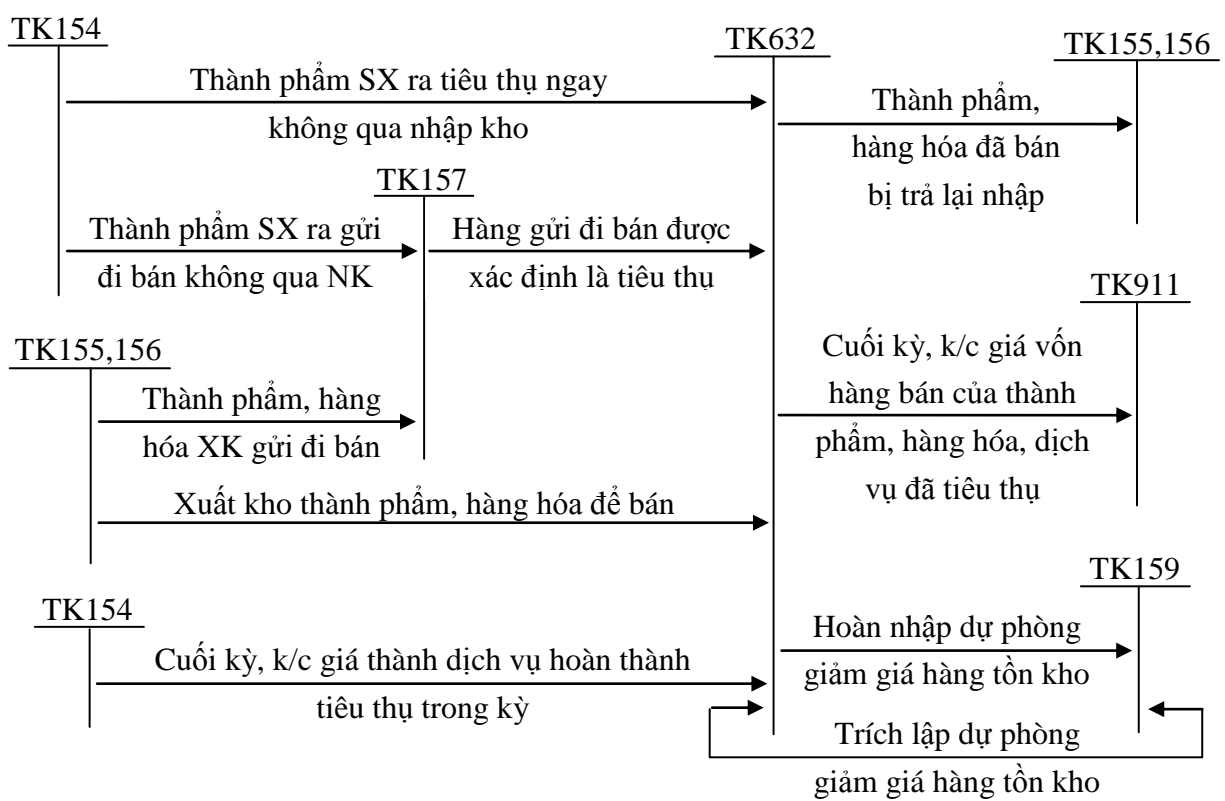
Phương pháp nhập trước, xuất trước : áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Phương pháp nhập sau, xuất trước : áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

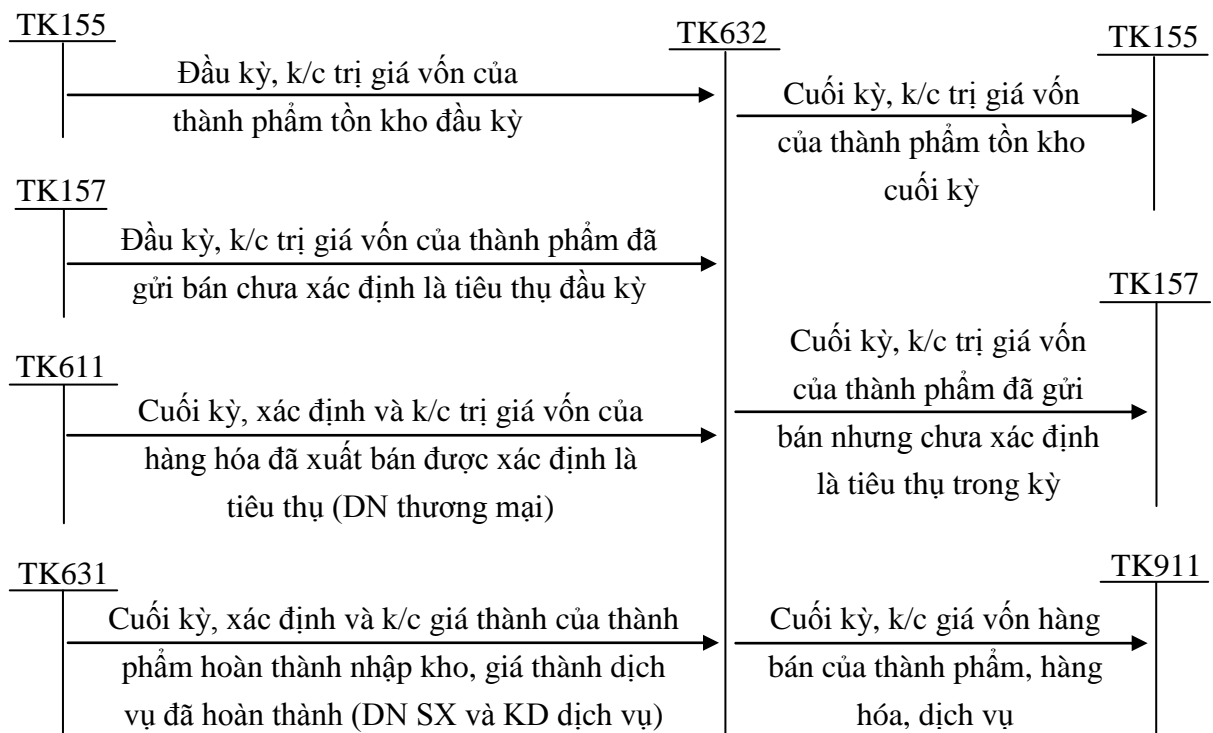
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo 2 phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kì được khái quát qua 2 sơ đồ 1.2 và 1.3.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Phiếu xuất kho
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Hóa đơn GTGT,...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng (CP BH)

• Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,...

- Kết cấu:

Bên Nợ : Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên Có : Kết chuyển CP BH vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”

- Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:
 - TK 6411: Chi phí nhân viên
 - TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
 - TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - TK 6415: Chi phí bảo hành
 - TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (CP QLDN)

• Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN; các khoản trích theo lương; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN;...

- Kết cấu:

Bên Nợ :

- Các CP QLDN thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

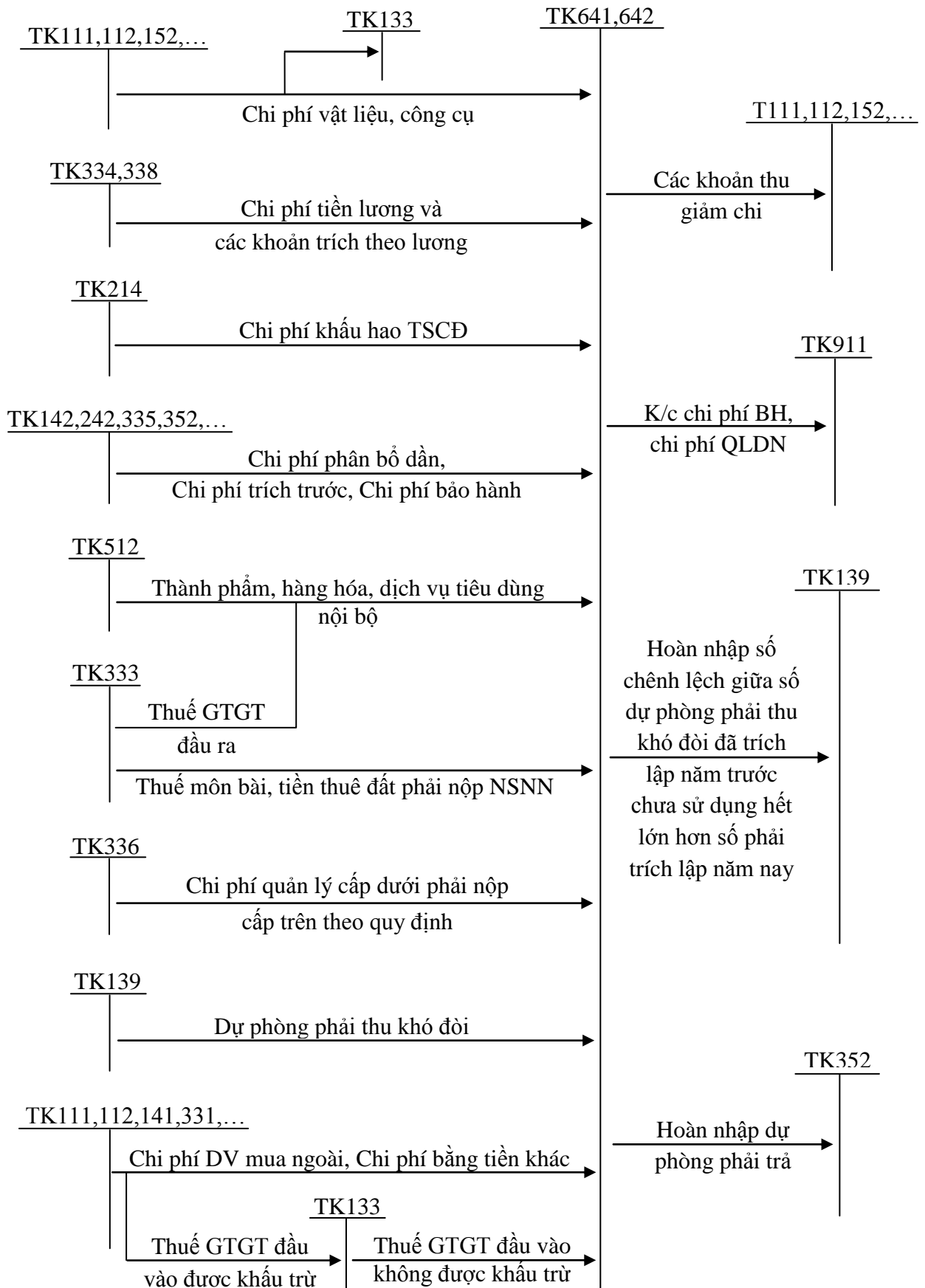
Bên Có :

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển CP QLDN vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:
 - TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
 - TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
 - TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
 - TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
 - TK 6426: Chi phí dự phòng
 - TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - TK 6428: Chi phí khác bằng tiền

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.4

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



Sơ đồ 1.4 : Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính*

• Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Kết cấu:

Bên Nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có :

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Tài khoản 635 – Chi phí tài chính*

• Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng

khoản ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,... dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

- **Kết cấu:**

Bên Nợ :

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư

XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có :

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả

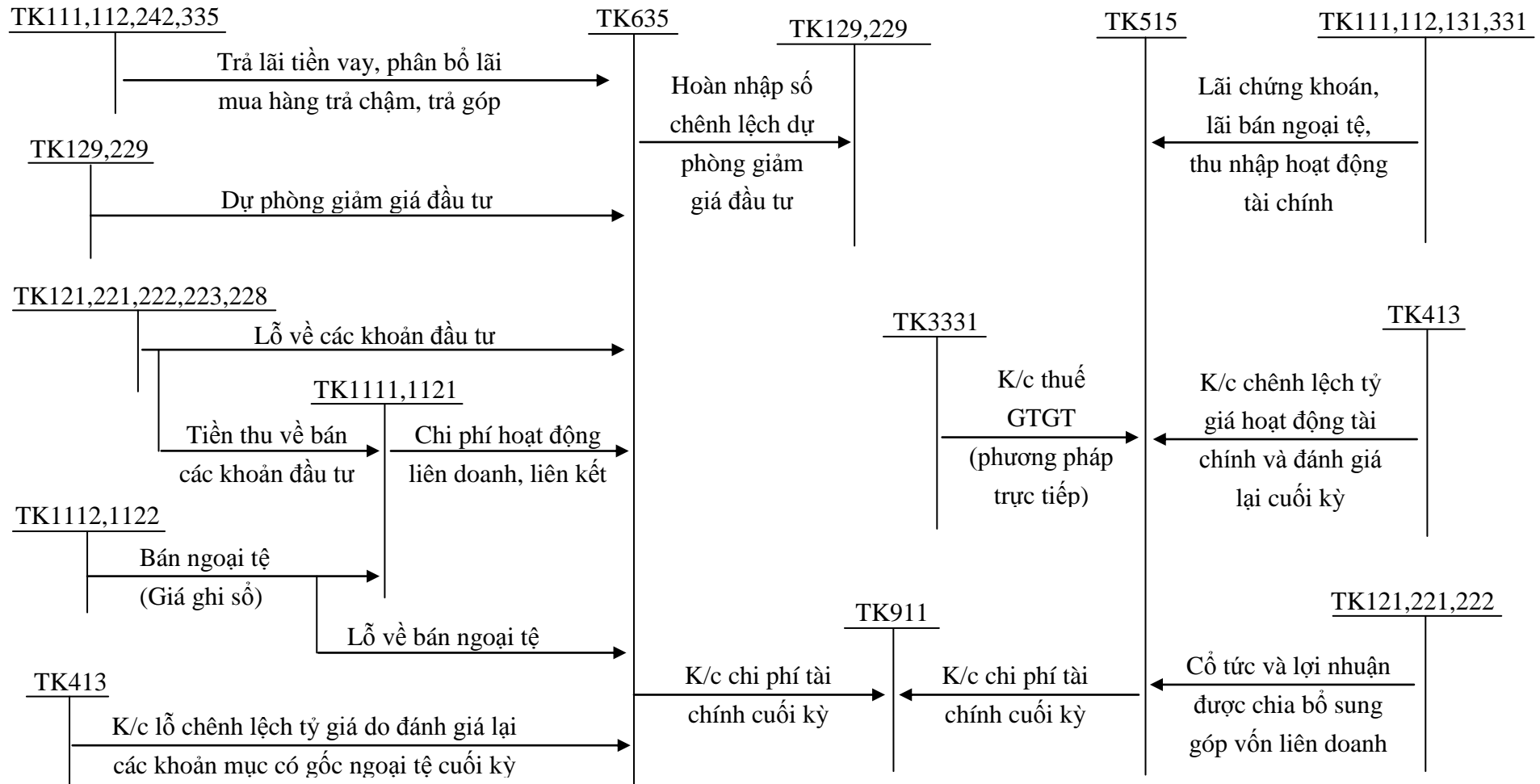
hoạt động kinh doanh.

- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.5

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại tài sản
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn thông thường,...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

• Tài khoản này phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kết cấu:

Bên Nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Kết chuyển thu nhập khác sang tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên Có :

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

• Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

- Kết cấu:

Bên Nợ : Các khoản chi phí khác phát sinh.

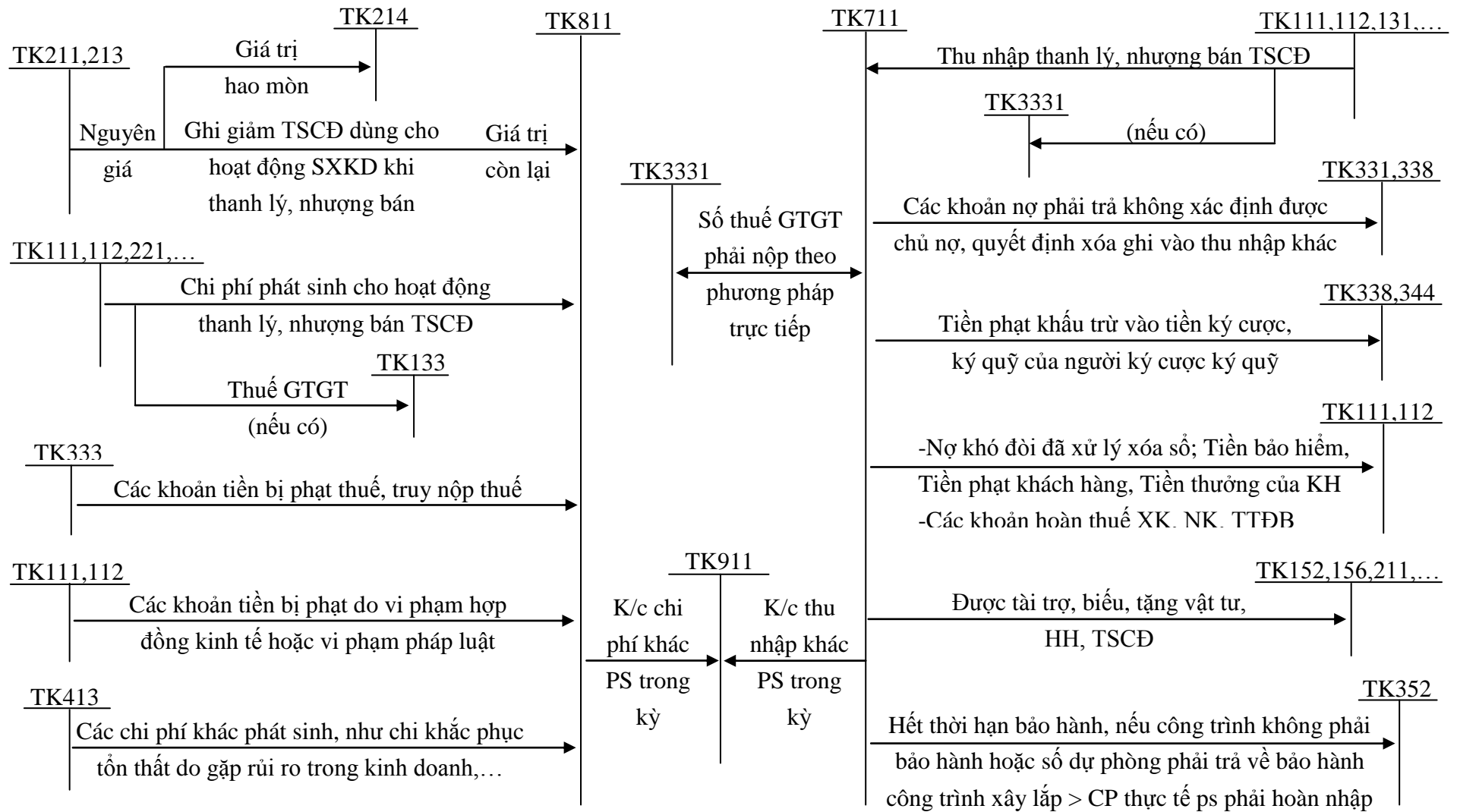
Bên Có : Kết chuyển chi phí khác vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



Sơ đồ 1.6 : Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán kết chuyển

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

• Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

- Kết cấu:

Bên Nợ :

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

Bên Có :

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

• Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của doanh nghiệp bao gồm Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Kết cấu:

Bên Nợ :

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành năm hiện tại.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có tài khoản “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ tài khoản “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có :

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.

- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ tài khoản chi phí thuế TNDN hiện hành lớn hơn số phát sinh bên Có tài khoản chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ vào bên Nợ tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài khoản 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ *Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối*

- Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

- Kết cấu:

Bên Nợ :

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

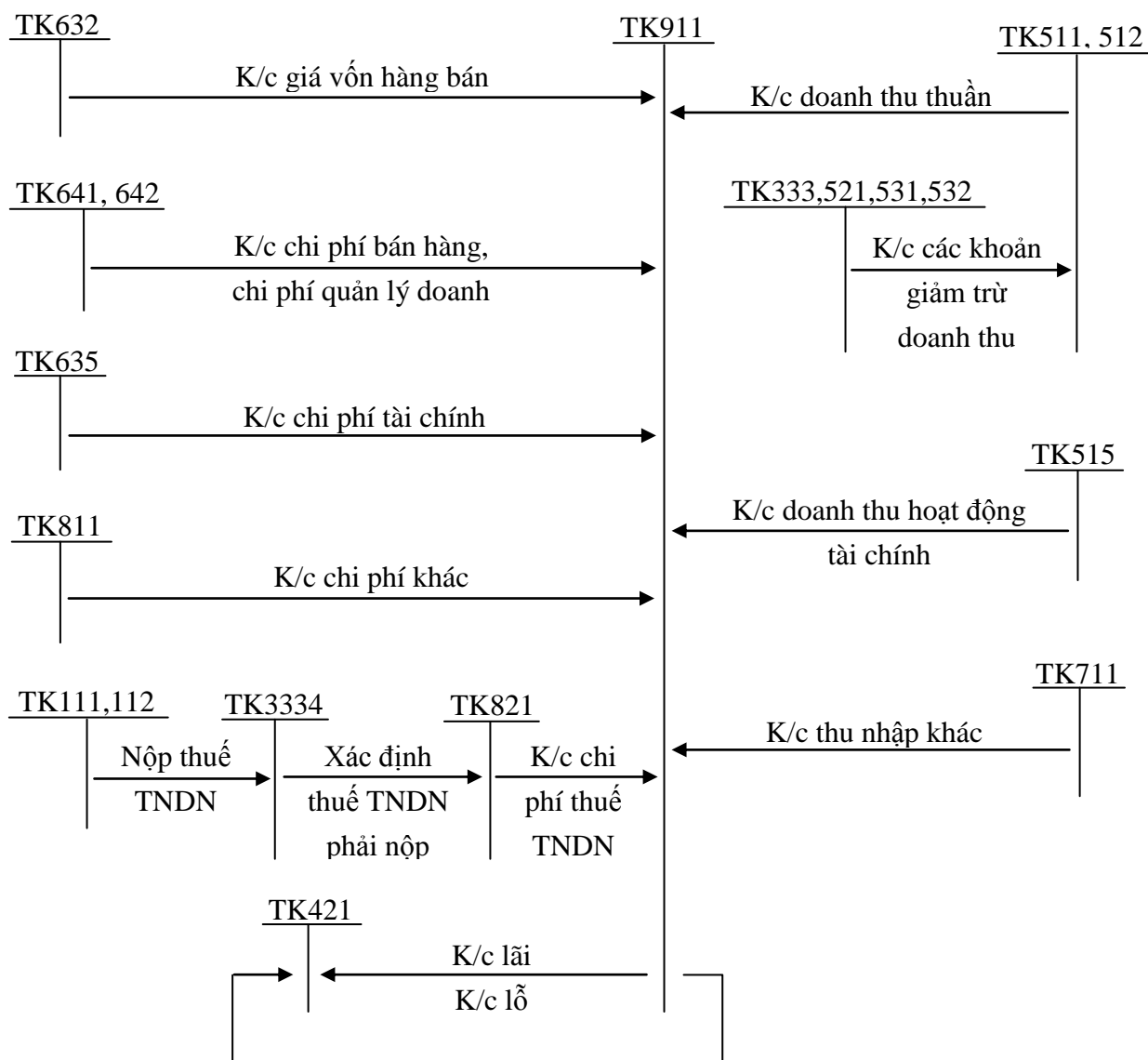
Bên Có :

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.
- Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
 - Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



Sơ đồ 1.7 : Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG II – THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long*

- Tên công ty : Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long.
- Tên giao dịch : HALONG CANFOCO.
- Địa chỉ : Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Mã số thuế : 0200344752
- Điện thoại : 0313.836692, 0313.836839

Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long tiền thân là nhà máy cá hộp Hạ Long, được xây dựng năm 1957. Năm 1977, công ty đổi tên thành Nhà Máy Chế biến Thủy sản Hải phòng, là thành viên và là cơ sở để thành lập Xí nghiệp Liên hợp Thủy sản Hạ Long, Hải Phòng. Năm 1999, công ty trở thành Công ty cổ phần Đồ Hộp Hạ Long theo quyết định số 256/1998QĐTTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/12/1998.

Công ty sản xuất, chế biến các sản phẩm thực phẩm đóng hộp; các mặt hàng thủy sản, nông sản, thực phẩm; các chế phẩm từ rong biển, các chế phẩm đặc biệt có nguồn gốc tự nhiên như dầu cá. Ngoài việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm chế biến, công ty còn sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống, thực phẩm đặc sản, thức ăn nhanh và các sản phẩm thức ăn chăn nuôi. Ngoài ra, công ty còn có các hoạt động liên doanh, cho thuê mặt bằng, kinh doanh dịch vụ tổng hợp khác; kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp.

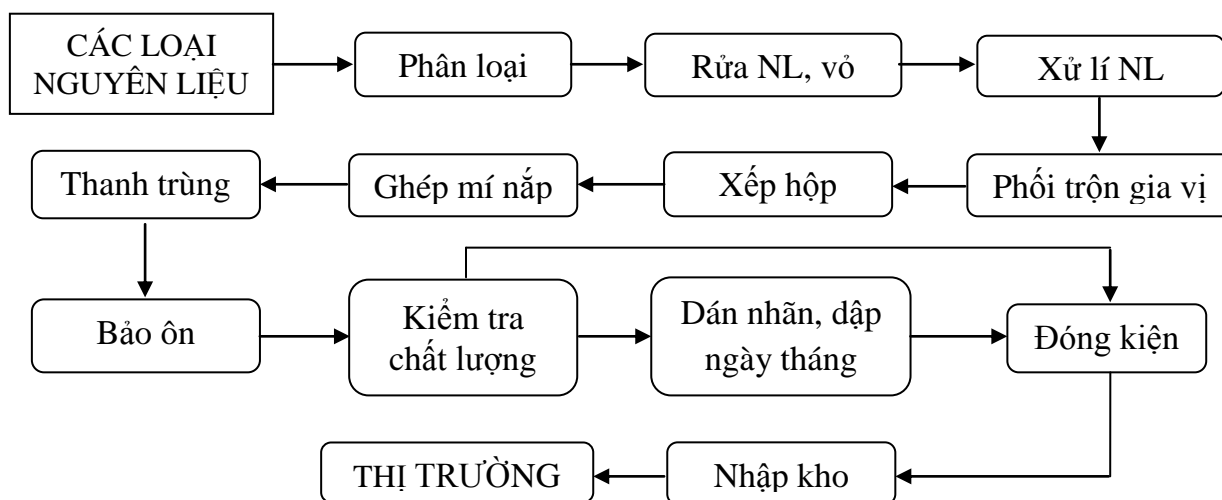
2.1.2. *Cơ cấu tổ chức sản xuất, kinh doanh tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long*

Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long chuyên sản xuất, chế biến đồ hộp như thịt hộp (Pate gan, thịt lợn xay, thịt lợn hấp, thịt bò,...); cá hộp (Cá xuất khẩu, cá nội địa,...); rau quả hộp. Ngoài ra, còn sản xuất, chế biến các mặt hàng khác như chả cá, cá đông, salami, giò, Lạp xưởng, xúc xích đông lạnh... Halong Canfoco cũng là một trong những cơ sở đầu tiên tại Việt Nam sản xuất các mặt hàng đặc biệt như: viên nang dầu cá, gelatin, agar-agar. Một số sản phẩm cao cấp của Công ty đã tạo ấn tượng tốt trên

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

thị trường khó tính như: cá ngừ vây vàng ngậm dầu hướng dương, cá ngừ vây vàng dạng xé, cá ngừ thịt trắng ngậm dầu hướng dương...

Quy trình sản xuất các sản phẩm (SP) chính của công ty đều là quy trình khép kín, được thể hiện qua sơ đồ 2.1.



Sơ đồ 2.1 – Quy trình các công đoạn chế biến đồ hộp – sản phẩm chính của Hạ Long CANFOCO

Các loại SP đóng hộp từ thịt gia cầm, gia súc, thủy hải sản, ... được SX từ nguồn nguyên liệu theo tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế. Các loại thủy hải sản phải được phòng kiểm tra chất lượng giám định mới được đưa vào sản xuất chế biến.

SP đóng hộp được SX theo trình tự các bước của quy trình công nghệ bao gồm: bắt đầu từ công đoạn xử lý nguyên liệu như: rửa sạch - pha lọc - cắt miếng - xử lý gia vị - tiến hành phối chế. Nếu SP dạng nhuyễn thì sẽ được xay - băm - đồng hoá.

Các loại NL sau khi xử lý, phối chế được định lượng vào hộp - bài khí - ghép kín nắp - thanh trùng - bảo ôn trong kho ấm một thời gian được quy định từ 15 - 20 ngày để kiểm tra và loại trừ những SP kém chất lượng - sau đó tiến hành dán nhãn, bao gói, bảo quản sản phẩm và cuối cùng là tổ chức lưu thông phân phối.

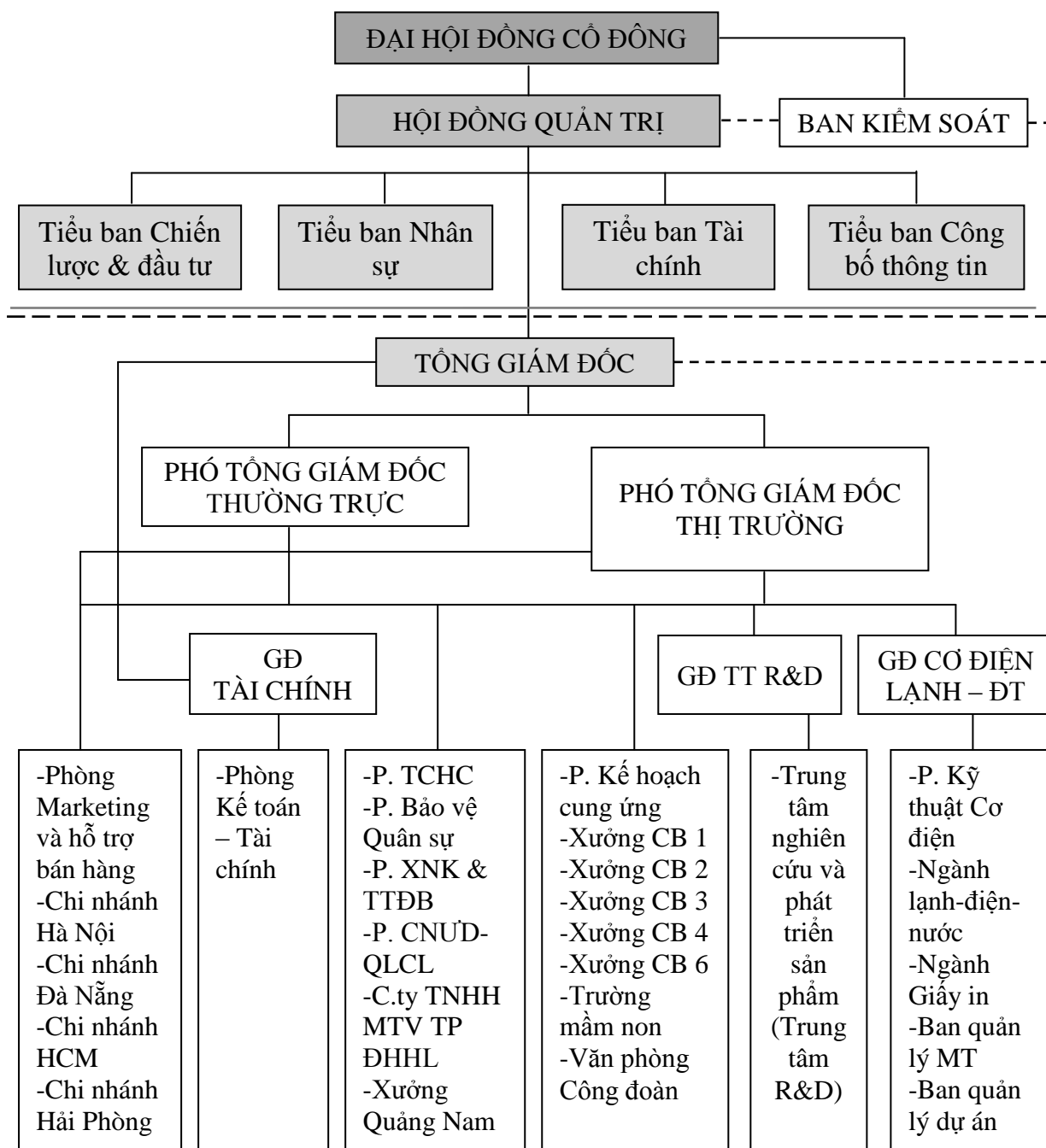
Sản phẩm đóng hộp được đựng trong hộp kim loại, phía trong vỏ hộp được sơn phủ một lớp vecni emay chịu đựng, ngăn cách giữa SP với kim loại vỏ hộp. Phía ngoài vỏ hộp được sơn phủ lớp vecni chống rỉ ăn mòn vỏ hộp. Hộp được ghép máy hút đi một phần không khí lưu trong hộp, tạo cho phía trong hộp một môi trường thiếu không khí để bảo quản SP lâu hơn. Quá trình hấp chín tiệt trùng được thực hiện bằng thiết bị

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

thanh trùng tự động, kiểm soát nhiệt độ ở 118 - 120°C. Tùy theo loại sản phẩm và thời gian sản xuất, trên nắp hộp sẽ được ghi hạn sử dụng và các thông tin khác về SP. Sau khi dán nhãn hàng hoá, Công ty đóng kiện hàng và gửi đến các trung tâm tiêu thụ.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến – chức năng, thể hiện qua sơ đồ 2.2



Sơ đồ 2.2 – Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Chức năng của từng bộ phận:

Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm đưa ra những chính sách dài hạn và ngắn hạn về việc phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác.

Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc (TGD) là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho TGD và chịu trách nhiệm trước TGD.

Các phòng ban trong công ty và các Chi nhánh trực thuộc:

Các Chi nhánh được kinh doanh thêm những mặt hàng phù hợp với quy định trong Giấy phép kinh doanh của Công ty, chấp hành các nội quy, quy chế và sự phân cấp của Công ty, pháp luật Nhà nước.

- Chi nhánh Quảng Nam là đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện chế độ hạch toán báo sổ có nhiệm vụ tổ chức liên kết kinh doanh sản xuất, thu gom, sơ chế và cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty.

- Các Chi nhánh Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM, Hải Phòng là các đơn vị hạch toán phụ thuộc có nhiệm vụ tiêu thụ sản phẩm, cung ứng NVL cho Công ty.

- Công ty TNHH một thành viên Thực phẩm đồ hộp Hạ Long được tách ra từ Chi nhánh Hồ Chí Minh, hạch toán độc lập.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Các phòng ban quản lý thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động SXKD của Ban giám đốc được hiệu quả.

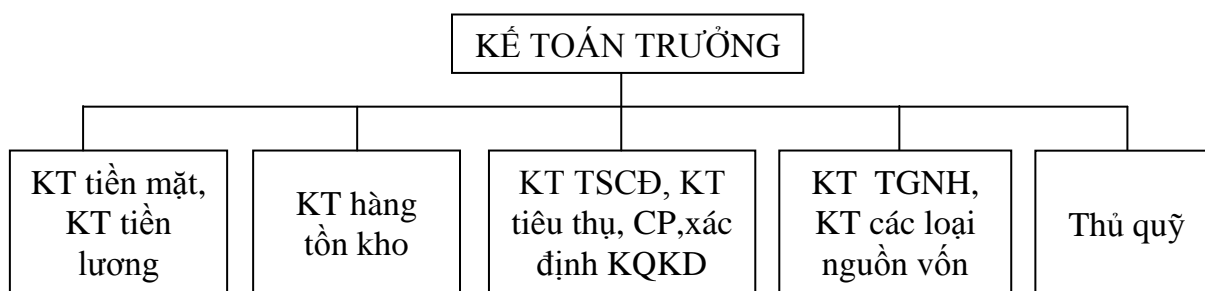
Các phân xưởng sản xuất chế biến được tổ chức theo từng ngành hàng, đứng đầu là các Quản đốc, có nhiệm vụ triển khai, tổ chức sản xuất theo yêu cầu của Ban Giám đốc. Các phân xưởng phụ trợ, kho hàng là các đơn vị đảm bảo cho việc tổ chức sản xuất được hoàn thiện.

Các cơ sở phúc lợi : Nhà ăn, nhà trẻ nhằm thực hiện chủ trương đãi ngộ, khuyến khích người lao động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán Công ty CP Đồ hộp Hạ Long được tổ chức theo mô hình phân tán, phân thành cấp: kế toán ở văn phòng công ty và kế toán tại các chi nhánh.



Sơ đồ 2.3 - Bộ máy kế toán văn phòng Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Trong phòng Kế toán – Tài chính có 6 cán bộ công nhân viên. Các thành viên đảm nhận một hoặc nhiều phần hành kế toán, cụ thể như sau:

- *Kế toán trưởng* : Là người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, các cổ đông, giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đôn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

Kế toán trưởng cũng là người đảm nhận phần hành KT CP SX và giá thành SP, có trách nhiệm tập hợp các chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm. Đồng thời cũng là người lập các báo cáo tài chính của công ty.

- *Nhân viên đảm nhận phần hành KT vốn bằng tiền & KT tiền lương:*

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Kế toán vốn bằng tiền : Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.

Kế toán tiền lương: Làm nhiệm vụ tính tiền lương bao gồm lương cơ bản, lương bổ xung, cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung. Đồng thời tính các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN)

- *Kế toán hàng tồn kho*: Có trách nhiệm quản lí, thống kê, theo dõi số lượng vật tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các vật tư nhập và xuất.

- *Phó phòng Kế toán – Tài chính đảm nhận phần hành Kế toán tài sản cố định và Kế toán chi phí, doanh thu, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.*

Kế toán tài sản cố định: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng, giảm của tài sản cố định và sự biến động của các khoản đầu tư dài hạn. Từ đó công ty có biện pháp cụ thể với các khoản đầu tư dài hạn.

Kế toán chi phí, doanh thu, xác định và phân phối kết quả kinh doanh: Theo dõi, ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, thu nhập, GVHB, chi phí. Cuối mỗi quý, kết chuyển doanh thu, thu nhập, chi phí để xác định kết quả kinh doanh và phân phối KQKD theo chế độ của công ty.

- *Nhân viên đảm nhận phần hành Kế toán TGNH và Kế toán các loại nguồn vốn:*

Kế toán các loại nguồn vốn: chịu trách nhiệm về các nghiệp vụ liên quan đến vay, nợ ngân hàng, phải trả người bán, các nguồn vốn của công ty.

Kế toán TGNH : chịu trách nhiệm về các nghiệp vụ liên quan đến TGNH

- *Thủ quỹ* : Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu, chi các chứng từ thanh toán đã được phê duyệt, thu tiền hàng, tiền cước phí bến bãi, trả lương cho cán bộ công nhân viên.

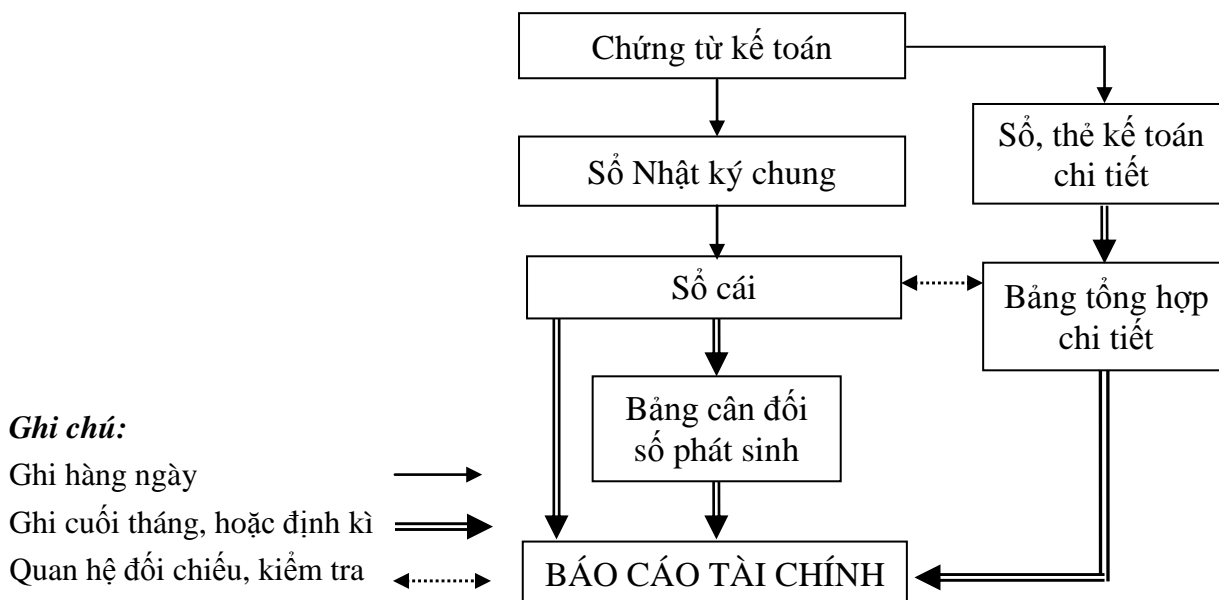
2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản :

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán :

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để ghi sổ kế toán.

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty được mô tả qua sơ đồ 2.4



Sơ đồ 2.4 - Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán:

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long được hợp nhất từ báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 (Ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính) và thông tư số 23/2005/TT-BTC.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con đều gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu của công ty

Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long là công ty chuyên sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm đồ hộp và một số mặt hàng khác. Doanh thu bán hàng của công ty là doanh thu về bán các loại thành phẩm, bao gồm các nhóm mặt hàng như: Cá ngừ ngâm dầu, Bò 2 lát, Heo 2 lát, Thịt lợn xay, Thịt lợn hấp, Pate gan, Chả giò, Bánh đa, Thạch rau câu, Agar – Agar, Thịt bò xay, Xúc xích, Nước mắm.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo Nợ, Giấy báo Có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

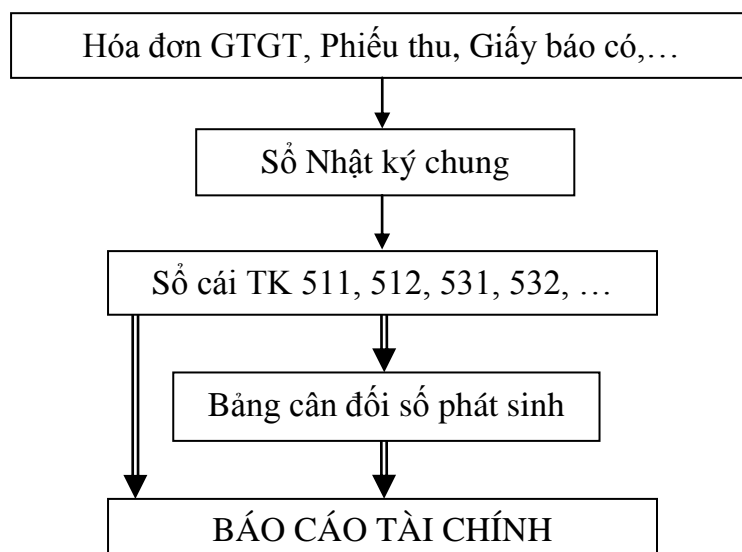
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng
- Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ
- Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long được khái quát qua sơ đồ 2.5

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



Sơ đồ 2.5 – Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo có,... kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bán hàng vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung vào Sổ cái Tài khoản 511, 512 và các Tài khoản liên quan.

Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh.

2.2.1.5. Ví dụ minh họa

❖ Ví dụ 2.1:

Ngày 1/12/2010, Công ty CP ĐHHL bán hàng cho chi nhánh của công ty tại Hà Nội. Giá vốn 26.569.920VNĐ, giá bán chưa thuế GTGT 10% là 37.833.120VNĐ.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 26.569.920

Nợ TK 136 : 41.616.432

Có TK 155 : 26.569.920

Có TK 512 : 37.833.120

Có TK 3331 : 3.783.312

➤ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0001850 (Biểu 2.1), kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), từ đó ghi vào Sổ cái TK 512 (Biểu 2.3).

❖ Ví dụ 2.2

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Ngày 31/12/2010, chi nhánh công ty CPĐHHL tại Hà Nội thông báo lô hàng xuất ngày 2/12/2010, HĐ GTGT số 0001855 kém phẩm chất và đề nghị công ty giảm giá, công ty CP ĐHHL đã giảm giá 10% cho lô hàng này.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 532 : 5.017.000

Nợ TK 3331 : 501.700

Có TK 136 : 5.518.700

➤ Căn cứ vào HĐGTGT số 0001855 (Biểu 2.4) và Phiếu kế toán số 359 (Biểu 2.5), kế toán ghi chép nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật Ký chung (Biểu 2.2), từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 532 (Biểu 2.6).

❖ Ví dụ 2.3

Ngày 2/12/2010, công ty CP ĐHHL bán cho Cửa hàng bánh kẹo Phương Thảo 200 túi Xúc xích Bee-Bee heo túi và 200 túi Xúc xích Bee-Bee bò túi, tổng số tiền thanh toán (đã bao gồm thuế GTGT 10%) là 3.681.920VNĐ.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 2.305.200

Nợ TK 111 : 3.681.920

Có TK 155 : 2.305.200

Có TK 511 : 3.347.200

Có TK 3331 : 334.720

➤ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0001853 (Biểu 2.7) và Phiếu thu số 956 (Biểu 2.8), kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), từ đó ghi vào Sổ cái TK 511 (Biểu 2.9).

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT-3LL			
Liên 3 : Nội bộ		Được phép sử dụng theo CV số: 330 CT/AC ngày 07/3/2007 của Cục thuế TP. Hải Phòng			
Ngày 01 tháng 12 năm 2010		Ký hiệu: AA/2010-T Số: 0001850			
Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long					
Địa chỉ : Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Số tài khoản :					
Điện thoại : 0313836692 ; 0313836839		MST : 0200344752			
Họ tên người mua hàng : Hoàng Thị Thái					
Tên đơn vị : CN cty CP Đồ hộp Hạ Long tại Hà Nội					
Địa chỉ : Số 10 Chương Dương Độ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : hạn thanh toán 30 ngày		MST : 0200344752008			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thịt lợn xay số 5 có khóa 170g/h	hộp	3.120	12.126	37.833.120
Cộng tiền hàng :					37.833.120
Thuế suất GTGT 10%					Tiền thuế GTGT : 3.783.312
Tổng cộng tiền thanh toán :					41.616.432
Số tiền viết bằng chữ : Bốn mươi một triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu 2.1 – Hóa đơn GTGT 1850

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT-3LL			
Liên 3 : Nội bộ		Được phép sử dụng theo CV số: 330 CT/AC ngày 07/3/2007 của Cục thuế TP. Hải Phòng			
Ngày 02 tháng 12 năm 2010		Ký hiệu: AA/2010-T Số: 0001855			
Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long					
Địa chỉ: Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Số tài khoản :					
Điện thoại : 0313836692 ; 0313836839		MST : 0200344752			
Họ tên người mua hàng : Hoàng Thị Thái					
Tên đơn vị : CN cty CP Đồ hộp Hạ Long tại Hà Nội					
Địa chỉ : Số 10 Chương Dương Độ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : hạn thanh toán 30 ngày		MST : 0200344752008			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Agar - Agar 500 gam	kg	200	250.850	50.170.000
Cộng tiền hàng :					50.170.000
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT :			5.017.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					55.187.000
Số tiền viết bằng chữ : Năm mươi lăm triệu một trăm tám mươi bảy nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu 2.4 – Hóa đơn GTGT 1855

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 359

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giảm giá hàng bán cho CN cty tại Hà Nội	532	136	5.017.000	
	3331	136	501.700	
Cộng			5.518.700	

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.5 – Phiếu kế toán số 359

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 02 tháng 12 năm 2010			Mẫu số: 01GTKT-3LL Được phép sử dụng theo CV số: 330 CT/AC ngày 07/3/2007 của Cục thuế TP. Hải Phòng Ký hiệu: AA/2010-T Số: 0001853		
Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long Địa chỉ: Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng. Số tài khoản : Điện thoại : 0313836692 ; 0313836839					
MST : 0200344752					
Họ tên người mua hàng : Nguyễn Phương Thảo Tên đơn vị : Cửa hàng bánh kẹo Phương Thảo Địa chỉ : Số 85 Đường Nguyễn Bình, Ngô Quyền, Hải Phòng Số tài khoản : Hình thức thanh toán : Tiền mặt					
MST :					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xúc xích Bee-Bee heo túi	túi	200	8.168	1.633.600
2	Xúc xích Bee-Bee bò túi	túi	200	8.568	1.713.600
Cộng tiền hàng :					3.347.200
Thuế suất GTGT 10%					Tiền thuế GTGT :
					334.720
Tổng cộng tiền thanh toán :					3.681.920
Số tiền viết bằng chữ : Ba triệu sáu trăm tám mươi một nghìn chín trăm hai mươi đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu 2.7 – Hóa đơn GTGT số 1853

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Số: 956

Nợ: 111

Có: 511

Có: 3331

Họ và tên người nộp tiền : *Nguyễn Phương Thảo*

Địa chỉ : *Số 85 Đường Nguyễn Bình, Ngô Quyền, Hải Phòng*

Lý do nộp : *Thanh toán tiền hàng*

Số tiền : *3.681.920VNĐ*

(Viết bằng chữ) : *Ba triệu sáu trăm tám mươi
mốt nghìn chín trăm hai mươi đồng chẵn./*

Kèm theo : *01*

Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền : *3.681.920VNĐ*

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị KT trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận tiền

Biểu 2.8 – Phiếu thu số 956

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/r	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
			Phát sinh quý 4					
							
01/12/10	PX1692	01/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội -Giá vốn			632 155	26.569.920	26.569.920
01/12/10	HĐ0001850	01/12/10	-Giá bán			136 512 3331	41.616.432	37.833.120 3.783.312
							
02/12/10	PX1697	02/12/10	Bán hàng cho cửa hàng Phương Thảo -Giá vốn			632 155	2.305.200	2.305.200
02/12/10	HĐ0001853	02/12/10	-Giá bán			111 511 3331	3.681.920	3.347.200 334.720
							
31/12/10	PKT359	31/12/10	Giảm giá hàng bán cho CN cty tại Hà Nội			532 3331 136	5.017.000 501.700	5.518.700
							
			Cộng phát sinh quý 4				1.084.743.344.716	1.084.743.344.716
			Cộng phát sinh năm				3.448.142.915.685	3.448.142.915.685

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên. đóng dấu)

Biểu 2.2 – Sổ Nhật ký chung

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng nội bộ

Số hiệu : 512

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/tr	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Đòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 4					
01/12/10	HĐ0001850	01/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội			136		37.833.120
01/12/10	HĐ0001851	01/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Đà Nẵng			136		60.473.290
01/12/10	HĐ0001852	01/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hải Phòng			136		15.367.879
02/12/10	HĐ0001854	02/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hải Phòng			136		40.246.194
02/12/10	HĐ0001855	02/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội			136		50.170.000
03/12/10	HĐ0001856	03/12/10	Bán hàng cho CN cty tại TP.HCM			136		30.582.289
03/12/10	HĐ0001857	03/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Đà Nẵng			136		28.593.108
							
31/12/10	PKT362	31/12/10	Kết chuyển khoản giảm trừ doanh thu quý 4			532	212.490.334	
31/12/10	PKT363	31/12/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ quý 4			911	72.259.394.263	
			Cộng số phát sinh quý 4				72.471.884.597	72.471.884.597
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				252.200.477.327	252.200.477.327

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.3 – Sổ cái TK 512

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng

Số hiệu : 511

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 4					
02/12/10	HĐ0001853	02/12/10	Bán hàng cho cửa hàng Phương Thảo			111		3.347.200
03/12/10	HĐ0001858	03/12/10	Bán hàng cho khách lẻ			111		77.729
03/12/10	HĐ0001859	03/12/10	Bán hàng cho đại lí Phương Vi			111		5.192.208
05/12/10	HĐ0001863	05/12/10	Bán hàng cho khách lẻ			111		354.510
							
31/12/10	PKT363	31/12/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4			911	548.407.096	
			Cộng số phát sinh quý 4				548.407.096	548.407.096
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				252.200.477.327	252.200.477.327

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.9 – Sổ cái TK 511

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Giảm giá hàng bán

Số hiệu : 532

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/r	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 4					
							
13/12/10	PKT354	13/12/10	Giảm giá hàng bán cho CN cty tại Đà Nẵng			136	13.076.528	
14/12/10	PKT355	14/12/10	Giảm giá hàng bán cho CN cty tại TP.HCM			136	2.667.600	
15/12/10	PKT356	15/12/10	Giảm giá hàng bán cho CN cty tại Hà Nội			136	1.045.712	
15/12/10	PKT357	15/12/10	Giảm giá hàng bán cho CN cty tại Hải Phòng			136	23.409.284	
31/12/10	PKT358	31/12/10	Giảm giá hàng bán cho CN cty tại TP.HCM			136	128.110.610	
31/12/10	PKT359	31/12/10	Giảm giá hàng bán cho CN cty tại Hà Nội			136	5.017.000	
							
31/12/10	PKT362	31/12/10	Kết chuyển khoản giảm trừ doanh thu quý 4			512		212.490.334
			Cộng số phát sinh quý 4				212.490.334	212.490.334
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				787.023.937	787.023.937

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.6 – Sổ cái TK 532

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty

Giá vốn là toàn bộ chi phí để sản xuất ra thành phẩm, tức là giá thành thành phẩm. Trị giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng

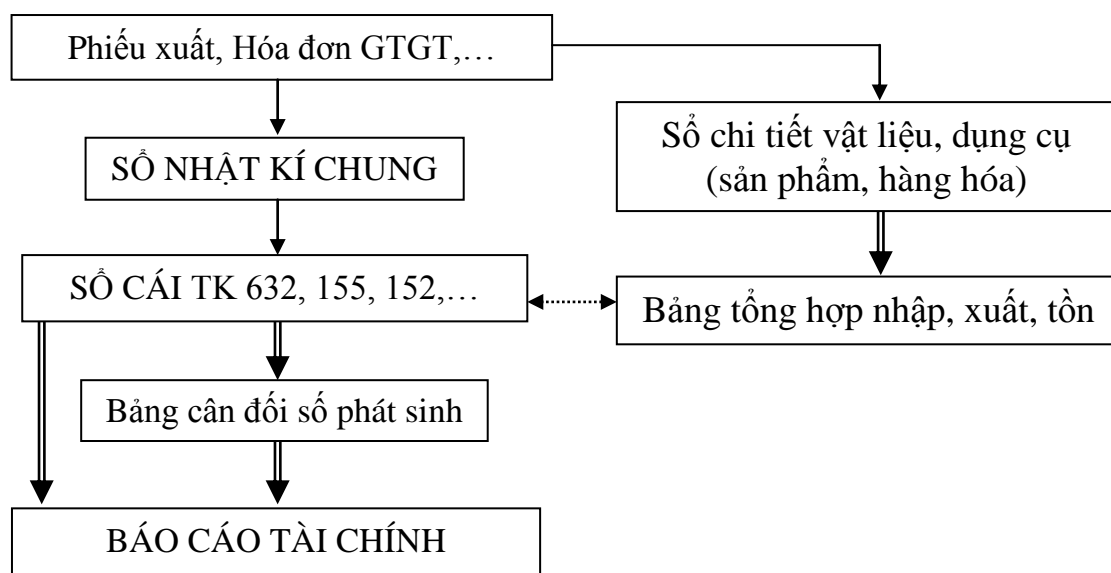
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

2.2.2.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long được khái quát qua sơ đồ 2.6.



Sơ đồ 2.6 – Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP Đồ hộp Hạ Long

Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ bán hàng vào Sổ Nhật ký chung và Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa). Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK632, TK155, TK152,... Từ Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa), kế toán ghi chép vào Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Cuối tháng, kế toán đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK155 với Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Số liệu trên Sổ cái TK632 và TK155 được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh.

2.2.2.5. Ví dụ minh họa

❖ Ví dụ 2.4: (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.1)

Ngày 1/12/2010, Công ty CP ĐHHL bán hàng cho chi nhánh của công ty tại Hà Nội. Giá vốn 26.569.920VNĐ, giá bán chưa thuế GTGT 10% là 37.833.120VNĐ.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 26.569.920

Nợ TK 136 : 41.616.432

Có TK 155 : 26.569.920

Có TK 512 : 37.833.120

Có TK 3331 : 3.783.312

➤ Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 1692 (Biểu 2.10), kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.11), từ đó bút toán này được ghi vào Sổ cái TK 632 (Biểu 2.12).

❖ Ví dụ 2.5 : (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.2)

Ngày 2/12/2010, công ty CP ĐHHL bán cho Cửa hàng bánh kẹo Phương Thảo 200 túi Xúc xích Bee-Bee heo túi và 200 túi Xúc xích Bee-Bee bò túi, tổng số tiền thanh toán (đã bao gồm thuế GTGT 10%) là 3.681.920VNĐ.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 2.305.200

Nợ TK 111 : 3.681.920

Có TK 155 : 2.305.200

Có TK 511 : 3.347.200

Có TK 3331 : 334.720

➤ Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 1697 (Biểu 2.13), kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.11), từ đó bút toán này được ghi vào Sổ cái TK 632 (Biểu 2.12).

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Bộ phận sản xuất

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Nợ : 632

Số: 1692

Có : 155

-Họ và tên người nhận hàng : *Hoàng Thị Thái* Đơn vị nhận : *CN Hà Nội*

-Lý do xuất kho : *Bán hàng cho CN ty tại Hà Nội*

-Xuất tại kho : *Kho thành phẩm*

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	<i>Thịt lợn xay số 5 khóa 170g/h</i>	<i>hộp</i>	<i>3.120</i>	<i>8.516</i>	<i>26.569.920</i>	
	Tổng tiền				26.569.920	

-Tổng tiền bằng chữ: *Hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm hai mươi đồng chẵn./*

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

K.T trưởng

P.KH cung ứng

Người nhận

Thủ kho

Biểu 2.10 – Phiếu xuất kho số 1692

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Bộ phận sản xuất

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Nợ : 632

Số: 1697

Có : 155

-Họ và tên người nhận hàng : *Nguyễn Phương Thảo* Đơn vị nhận :

-Lý do xuất kho : *Bán hàng cho cửa hàng Phương Thảo*

-Xuất tại kho : *Kho thành phẩm*

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	<i>Xúc xích Bee-Bee heo túi</i>	<i>túi</i>	<i>200</i>	<i>5.618</i>	<i>1.123.600</i>	
2	<i>Xúc xích Bee-Bee bò túi</i>	<i>túi</i>	<i>200</i>	<i>5.908</i>	<i>1.181.600</i>	
	Tổng tiền				2.305.200	

-Tổng tiền bằng chữ: *Hai triệu ba trăm linh năm nghìn hai trăm đồng chẵn./*

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

K.T trưởng

P.KH cung ứng

Người nhận

Thủ kho

Biểu 2.13 – Phiếu xuất kho số 1697

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/r	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
			Phát sinh quý 4					
							
01/12/10	PX1692	01/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội -Giá vốn			632 155	26.569.920	26.569.920
01/12/10	HĐ0001850	01/12/10	-Giá bán			136 512 3331	41.616.432	37.833.120 3.783.312
							
02/12/10	PX1697	02/12/10	Bán hàng cho cửa hàng Phương Thảo -Giá vốn			632 155	2.305.200	2.305.200
02/12/10	HĐ0001853	02/12/10	-Giá bán			111 511 3331	3.681.920	3.347.200 334.720
							
31/12/10	PKT359	31/12/10	Giảm giá hàng bán cho CN cty tại Hà Nội			532 3331 136	5.017.000 501.700	5.518.700
							
			Cộng phát sinh quý 4				1.084.743.344.716	1.084.743.344.716
			Cộng phát sinh năm				3.448.142.915.685	3.448.142.915.685

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.11 – Sổ Nhật kí chung

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/r	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 4					
01/12/10	PX1692	01/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội			155	26.569.920	
01/12/10	PX1693	01/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Đà Nẵng			155	54.297.559	
01/12/10	PX1694	01/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hải Phòng			155	10.703.718	
02/12/10	PX1697	02/12/10	Bán hàng cho cửa hàng Phương Thảo			155	2.305.200	
02/12/10	PX1698	02/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hải Phòng			155	30.624.519	
02/12/10	PX1699	02/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội			155	44.180.600	
03/12/10	PX1704	03/12/10	Bán hàng cho CN cty tại TP.HCM			155	27.930.839	
03/12/10	PX1705	03/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Đà Nẵng			155	20.080.728	
							
31/12/10	PKT364	31/12/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4			911		55.650.353.067
			Cộng số phát sinh quý 4				55.650.353.067	55.650.353.067
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				212.263.977.500	212.263.977.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.12 – Sổ cái TK 632

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

2.2.3.1. Nội dung chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long bao gồm các khoản chi phí quản lý chung, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN;...

2.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Phiếu xuất kho
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Hóa đơn GTGT...

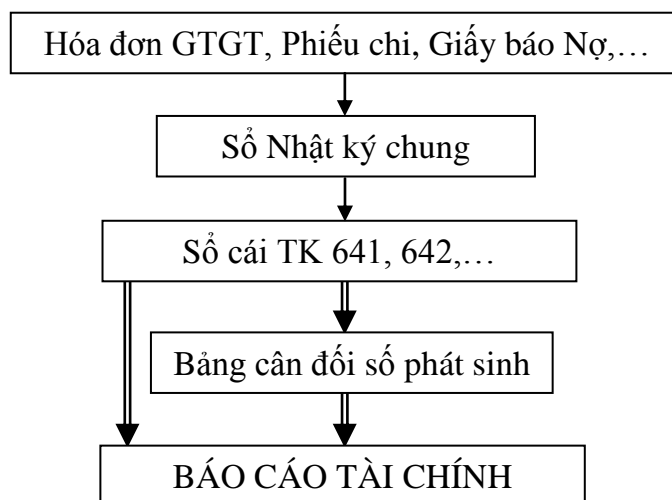
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty CP ĐHHL được khái quát qua sơ đồ 2.7.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



Sơ đồ 2.7 – Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty CP ĐHHL

Hàng ngày, căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Phiếu xuất kho, Bảng tính và phân bổ khấu hao, Hóa đơn GTGT, ..., kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Chi phí bán hàng và Chi phí QLDN vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK641, TK642,...

Cuối tháng, số liệu trên các Sổ cái của các tài khoản trên được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh.

2.2.3.5. Ví dụ minh họa

❖ Ví dụ 2.6:

Ngày 2/12/2010, công ty CP ĐHHL xuất kho 10kg túi nilon cho tổ bốc xếp, đóng gói để đóng gói sản phẩm. Số tiền 350.000VNĐ.

➤ Kế toán định khoản :

Nợ TK 641 : 350.000

Có TK 152 : 350.000

➤ Kế toán lập Phiếu xuất kho số 1695 (Biểu 2.14). Từ Phiếu xuất kho kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.15), từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 641 (Biểu 2.16).

❖ Ví dụ 2.7:

Ngày 3/12/2010, công ty CP ĐHHL xuất 5 ram giấy in cho phòng Kế toán – Tài chính. Tổng số tiền là 250.000VNĐ.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 250.000

Có TK 152 : 250.000

➤ Kế toán lập phiếu xuất kho số 1789 (Biểu 2.17), căn cứ vào Phiếu xuất kho, kế toán phản ánh nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.15). Từ Sổ Nhật ký chung, ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK 642 (Biểu 2.18).

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Bộ phận bán hàng

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Nợ : 641

Số: 1695

Có : 152

-Họ và tên người nhận : *Trần Văn Hưng* Đơn vị nhận : *Tổ bốc xếp*

-Lý do xuất kho : *Xuất vật tư để đóng gói sản phẩm*

-Xuất tại kho : *Kho vật tư*

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	<i>Túi nilon</i>	<i>kg</i>	<i>10</i>	<i>35.000</i>	<i>350.000</i>	
	Tổng tiền				350.000	

-Tổng tiền bằng chữ : *Ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.*

-Số chứng từ gốc kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

K.T trưởng

P.KH cung ứng

Người nhận

Thủ kho

Biểu 2.14 – Phiếu xuất kho số 1695

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Bộ phận Quản lý doanh nghiệp

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Nợ : 642

Số: 1789

Có : 152

-Họ và tên người nhận hàng : *Nguyễn Tuyết Hồng* Đơn vị nhận : *P. Kế toán - Tài chính*

-Lý do xuất kho : *Xuất VPP cho P. Kế toán - Tài chính*

-Xuất tại kho : *Kho vật tư*

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	<i>Giấy in</i>	<i>ram</i>	<i>5</i>	<i>50.000</i>	<i>250.000</i>	
	Tổng tiền				250.000	

-Tổng tiền bằng chữ : *Hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./*

-Số chứng từ gốc kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

K.T trưởng

P.KH cung ứng

Người nhận

Thủ kho

Biểu 2.17 – Phiếu xuất kho số 1789

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2010

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
			Phát sinh quý 4					
							
02/12/10	PX1695	02/12/10	Xuất vật tư để đóng gói SP			641 152	350.000	350.000
							
31/12/10	PX1788	31/12/10	Xuất CCDC cho phòng Kế toán-Tài chính			642 153	260.000	260.000
31/12/10	PX1789	31/12/10	Xuất VPP cho P. Kế toán-Tài chính			642 152	250.000	250.000
31/12/10	BPBLT12	31/12/10	Tính tiền lương cho BP QLDN			642 334	559.174.300	559.174.300
							
31/12/10	PKT359	31/12/10	Giảm giá hàng bán cho CN cty tại Hải Phòng			532 3331 136	5.017.000 501.700	5.518.700
							
			Cộng phát sinh quý 4				1.084.743.344.716	1.084.743.344.716
			Cộng phát sinh năm				3.448.142.915.685	3.448.142.915.685

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.15 – Sổ nhật ký chung

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí bán hàng

Số hiệu : 641

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 4					
							
02/12/10	PX1695	02/12/10	Xuất vật tư để đóng gói SP			152	350.000	
03/12/10	PC2494	03/12/10	Chi phí vận chuyển hàng đi bán			111	1.750.000	
05/12/10	INDO05122010	05/12/10	Chi phí quảng cáo			112	52.000.000	
06/12/10	PC2500	06/12/10	Chi phí vận chuyển hàng đi bán			111	2.250.000	
08/12/10	PC2504	08/12/10	Chi phí vận chuyển hàng đi bán			111	1.230.000	
09/12/10	INDO09122010	09/12/10	Chi phí quảng cáo			112	52.700.000	
							
31/12/10	BPBKHT12	31/12/10	Trích khấu hao TSCĐ BP bán hàng T12			214	72.754.116	
31/12/10	PC2561	31/12/10	Chi thường đạt chỉ tiêu bán hàng			111	27.000.000	
31/12/10	PKT364	31/12/10	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4			911		1.888.606.112
			Cộng số phát sinh quý 4				1.888.606.112	1.888.606.112
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				9.978.642.415	9.978.642.415

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.16 – Sổ cái TK 641

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí quản lý doanh nghiệp
Số hiệu : 642

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 4					
							
30/12/10	PX1787	30/12/10	Xuất CCDC cho P. Hành chính			153	550.000	
30/12/10	PC2559	30/12/10	Chi phí tiếp khách			111	1.250.000	
31/12/10	PX1788	31/12/10	Xuất CCDC cho P. Kế toán-Tài chính			153	260.000	
31/12/10	PX1789	31/12/10	Xuất VPP cho P. Kế toán-Tài chính			152	250.000	
31/12/10	BPBTLT12	31/12/10	Tính tiền lương cho P. Kế toán - Tài chính			334	36.547.900	
31/12/10	BPBTLT12	31/12/10	Các khoản trích theo lương P. Kế toán - Tài chính			338	6.800.538	
							
31/12/10	BPBKHT12	31/12/10	Trích khấu hao TSCĐ BP QLDN T12			214	149.598.659	
31/12/10	PKT364	31/12/10	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4			911		8.569.599.773
			Cộng số phát sinh quý 4				8.569.599.773	8.569.599.773
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				23.204.626.170	23.204.626.170

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.18 – Sổ cái TK 642

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long, doanh thu hoạt động tài chính gồm có lãi tiền gửi; lãi đầu tư trái phiếu; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái;...

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay; lỗ về các khoản đầu tư; lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư;...

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

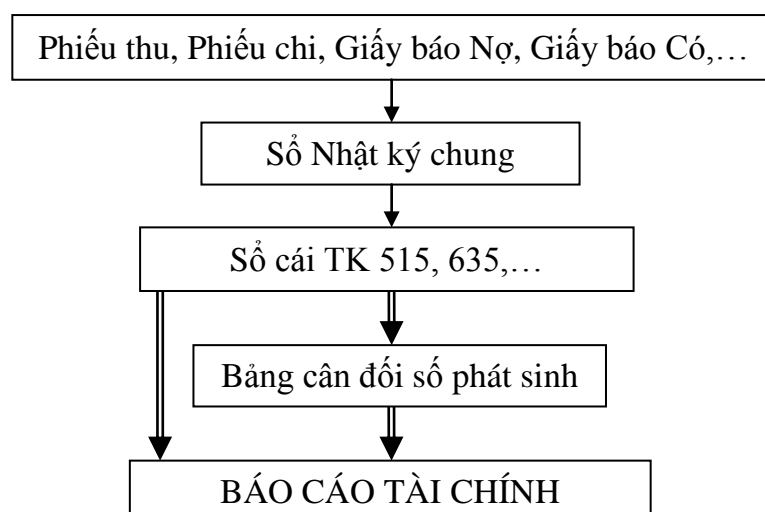
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có,...

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

2.2.4.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty CP Đồ hộp Hạ Long được khái quát qua sơ đồ 2.8.



Sơ đồ 2.8 – Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP Đồ hộp Hạ Long

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo Có,..., kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Doanh thu hoạt động TC và Chi phí TC vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái của các tài khoản liên quan.

Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái các tài khoản đó được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

2.2.4.5. Ví dụ minh họa

❖ Ví dụ 2.8:

Ngày 25/12/2010, ngân hàng Thương mại Á Châu trả lãi tiền gửi tháng 12 năm 2010. Số tiền là 1.275.261VNĐ.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 112 : 1.275.261

Có TK 515 : 1.275.261

➤ Căn cứ vào Giấy báo Có ngày 25/12/2010 (Biểu 2.19), kế toán ghi chép nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.20), từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 515 (Biểu 2.21).

❖ Ví dụ 2.9:

Ngày 31/12/2010, ngân hàng Thương mại Á Châu thu lãi tiền vay tháng 12 năm 2010, số tiền là 27.811.627VNĐ.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 635 : 27.811.627

Có TK 112 : 27.811.627

➤ Căn cứ vào Giấy báo Nợ ngày 31/12/2010 (Biểu 2.22), kế toán ghi chép nghiệp vụ này vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.20). Từ Sổ Nhật ký chung, nghiệp vụ này được ghi vào Sổ cái TK 635 (Biểu 2.23).

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV : BATCH
Mã KH : 10366

GIẤY BÁO CÓ

Số GD : 0

Ngày : 25/12/2010

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau :

Số tài khoản ghi CÓ : 8864859

Số tiền bằng số : **1.275.261**

Số tiền bằng chữ : [+] Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi một VNĐ.

Nội dung : ## Lãi nhập vốn ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.19 – Giấy báo Có

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV : BATCH
Mã KH : 10366

GIẤY BÁO NỢ

Số GD : 0

Ngày : 31/12/2010

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau :

Số tài khoản ghi NỢ : 8864859

Số tiền bằng số : **27.811.627**

Số tiền bằng chữ : [+] Hai mươi bảy triệu tám trăm mười một nghìn sáu trăm hai mươi bảy VNĐ.

Nội dung : ## Thanh toán lãi tiền vay T12/10 ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.22 – Giấy báo Nợ

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/r	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
			Phát sinh quý 4					
							
25/12/10	ACB25122010	25/12/10	NH trả lãi tiền gửi T12			112 515	1.275.261	1.275.261
							
31/12/10	PKT359	31/12/10	Giảm giá hàng bán			532 3331 136	5.017.000 501.700	5.518.700
31/12/10	PX1728	31/12/10	Xuất VPP cho phòng KT - TC			642 152	250.000	250.000
31/12/10	ACB31122010	31/12/10	Thanh toán lãi tiền vay T12			635 112	27.811.627	27.811.627
							
			Cộng phát sinh quý 4				1.084.743.344.716	1.084.743.344.716
			Cộng phát sinh năm				3.448.142.915.685	3.448.142.915.685

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.20 – Sổ Nhật ký chung

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/r	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 4					
							
09/12/10	EIB09122010	09/12/10	Tất toán tiền gửi tiết kiệm NH trả lãi từ 9/8 – 9/12/2010			112		114.279.992
24/12/10	EIB24122010	24/12/10	NH trả lãi số dư tiền gửi T12			112		11.112
25/12/10	ACB25122010	25/12/10	NH trả lãi tiền gửi T12			112		1.275.261
31/12/10	INDO31122010	31/12/10	NH trả lãi số dư tiền gửi T12			112		150.047
31/12/10	VCB31122010	31/12/10	NH trả lãi số dư tiền gửi T12			112		1.393.041
							
31/12/10	PKT363	31/12/10	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4			911	838.283.580	
			Cộng số phát sinh quý 4				838.283.580	838.283.580
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				1.862.038.052	1.862.038.052

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.21 – Sổ cái TK 515

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí tài chính

Số hiệu : 635

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 4					
							
31/12/10	INDO31122010.1	31/12/10	Thanh toán lãi tiền vay T12/10			112	5.788.575	
31/12/10	INDO31122010.2	31/12/10	Thanh toán lãi tiền vay T12/10			112	859.170	
31/12/10	INDO31122010.3	31/12/10	Thanh toán lãi tiền vay T12/10			112	5.113.095	
31/12/10	INDO31122010.4	31/12/10	Thanh toán lãi tiền vay T12/10			112	27.543.611	
31/12/10	INDO31122010.5	31/12/10	Thanh toán lãi tiền vay T12/10			112	20.447.222	
31/12/10	ACB31122010	31/12/10	Thanh toán lãi tiền vay T12/10			112	27.811.627	
							
31/12/10	PKT364	31/12/10	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4			911		175.545.982
			Cộng số phát sinh quý 4				175.545.982	175.545.982
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				3.881.482.545	3.881.482.545

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.23 – Sổ cái TK 635

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

2.2.5.1. Nội dung thu nhập khác và chi phí khác

Tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long, thu nhập khác bao gồm thu nhập từ thanh lí, nhượng bán TSCĐ, thu phạt khách hàng vi phạm hợp đồng, thu nợ khó đòi đã xử lí, doanh thu bán phế liệu,...

Chi phí khác là các chi phí phát sinh trong quá trình thanh lí, nhượng bán TSCĐ, phế liệu...

2.2.5.2. Chứng từ sử dụng

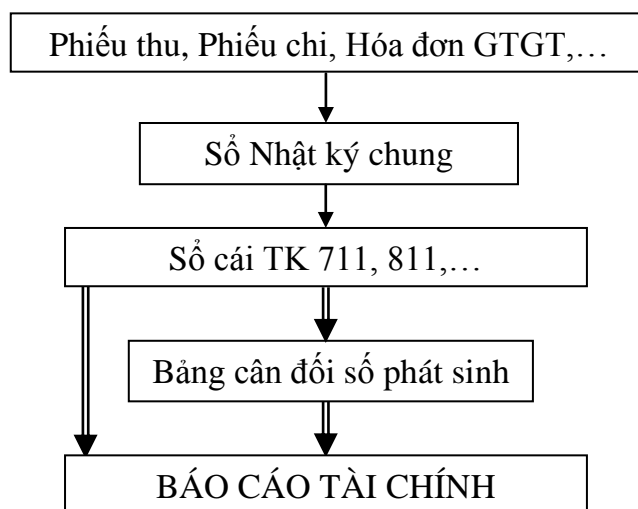
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT,...

2.2.5.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 – Thu nhập khác
- Tài khoản 811 – Chi phí khác

2.2.5.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty CP Đồ hộp Hạ Long được khái quát qua sơ đồ 2.9.



Sơ đồ 2.9 – Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty CP Đồ hộp Hạ Long

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ của các nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác, chi phí khác, kế toán ghi chép các nghiệp vụ đó vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi chép vào Sổ cái các tài khoản liên quan.

Cuối quý, số liệu trên Sổ cái các tài khoản đó được dùng để lập BCĐSPS.

2.2.5.5. Ví dụ minh họa

❖ Ví dụ 2.10:

Ngày 30/12/2010, công ty CP ĐHHL bán phế liệu cho chị Nguyễn Thị Hoa. Giá vốn là 252.000VNĐ. Giá bán chưa thuế GTGT 10% là 252.000VNĐ.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 811 : 252.000

Nợ TK 111 : 277.200

Có TK 152 : 252.000

Có TK 711 : 252.000

Có TK 3331 : 25.200

➤ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0001967 (Biểu 2.24), Phiếu xuất kho số 1786 (Biểu 2.25) và Phiếu thu số 1017 (Biểu 2.26), kế toán ghi chép nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.27), từ Sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 711 (Biểu 2.28), Sổ cái TK 811 (Biểu 2.29).

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT-3LL		
Liên 3 : Nội bộ			Được phép sử dụng theo CV số: 330 CT/AC ngày 07/3/2007 của Cục thuế TP. Hải Phòng		
<i>Ngày 30 tháng 12 năm 2010</i>			Ký hiệu: AA/2010-T Số: 0001967		
Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long					
Địa chỉ: Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Số tài khoản :					
Điện thoại : 0313836692 ; 0313836839			MST : 0200344752		
Họ tên người mua hàng : Nguyễn Thị Hoa					
Tên đơn vị :					
Địa chỉ : Số 74 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : Tiền mặt			MST :		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Vụn cá	kg	84	3.000	252.000
Cộng tiền hàng :					252.000
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT :			25.200
Tổng cộng tiền thanh toán :					277.200
Số tiền viết bằng chữ : Hai trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu 2.24 – Hóa đơn GTGT số 0001967

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Bộ phận Sản xuất

Mẫu số: 02-VT

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Số: 1786

Nợ : 811

Có : 152

-Họ và tên người nhận hàng : *Nguyễn Thị Hoa* Đơn vị nhận :

-Lý do xuất kho : Bán phế liệu

-Xuất tại kho : Kho vật tư

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	<i>Vụn cá</i>	kg	84	3.000	252.000	
	Tổng tiền				252.000	

-Tổng tiền bằng chữ: *Hai trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn./*

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

K.T trưởng

P.KH cung ứng

Người nhận

Thủ kho

Biểu 2.25 – Phiếu xuất kho số 1786

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02-TT

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU THU

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Số: 1017

Nợ: 111

Có: 711

Có: 3331

Họ và tên người nộp tiền : *Nguyễn Thị Hoa*

Địa chỉ : *Số 74 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng*

Lý do nộp : *Thanh toán tiền phế liệu*

Số tiền : 277.200VND

*(Viết bằng chữ) : Hai trăm bảy mươi bảy
nghìn hai trăm đồng chẵn./*

Kèm theo : 01

Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền : 277.200VND

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

KT trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

Biểu 2.26 – Phiếu thu số 1017

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
			Phát sinh quý 4					
							
30/12/10	PX1786	30/12/10	Bán phế liệu -Chi phí			811 152	252.000	252.000
30/12/10	HĐ0001967	30/12/10	-Thu nhập khác			111 711 3331	277.200	252.000 25.200
30/12/10	PX1787	30/12/10	Xuất CCDC cho phòng Hành chính			642 153	550.000	550.000
31/12/10	PKT359	31/12/10	Giảm giá hàng bán			532 3331 136	5.017.000 501.700	5.518.700
							
			Cộng phát sinh quý 4				1.084.743.344.716	1.084.743.344.716
			Cộng phát sinh năm				3.448.142.915.685	3.448.142.915.685

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.27 – Sổ Nhật ký chung

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Thu nhập khác

Số hiệu : 711

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 4					
07/12/10	HĐ0001853	07/12/10	Bán phế liệu			131		66.927.840
08/12/10	HĐ0001857	08/12/10	Bán phế liệu			131		17.712.200
10/12/10	HĐ0001859	10/12/10	Bán phế liệu			131		10.909.091
20/12/10	HĐ0001881	20/12/10	Bán phế liệu			111		1.443.196
20/12/10	HĐ0001882	20/12/10	Bán phế liệu			111		68.880
27/12/10	HĐ0001896	27/12/10	Bán phế liệu			111		363.283
							
30/12/10	HĐ0001967	30/12/10	Bán phế liệu			111		252.000
31/12/10	PKT363	31/12/10	Kết chuyển thu nhập khác quý 4			911	428.737.990	
			Cộng số phát sinh quý 4				428.737.990	428.737.990
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				2.487.503.783	2.487.503.783

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.28 – Sổ cái TK 711

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí khác

Số hiệu : 811

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 4					
07/12/10	PX1712	07/12/10	Bán phế liệu			152	70.404.151	
08/12/10	PX1714	08/12/10	Bán phế liệu			152	18.856.677	
10/12/10	PX1718	10/12/10	Bán phế liệu			152	10.909.091	
							
27/12/10	PX1777	27/12/10	Bán phế liệu			152	363.283	
27/12/10	PX1778	27/12/10	Bán phế liệu			152	16.463.000	
30/12/10	PX1786	30/12/10	Bán phế liệu			152	252.000	
							
31/12/10	PKT364	31/12/10	Kết chuyển chi phí khác quý 4			911		381.826.748
			Cộng số phát sinh quý 4				381.826.748	381.826.748
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				2.719.836.317	2.719.836.317

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.29 – Sổ cái TK 811

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

2.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Chi tiết : Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

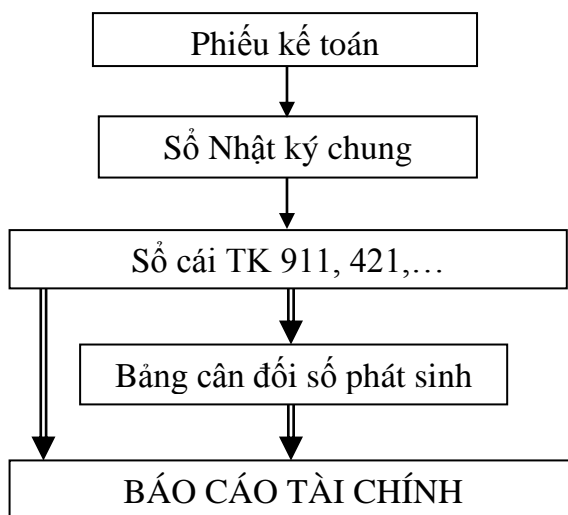
Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

2.2.6.3. Quy trình hạch toán

Cuối quý, kế toán lập các Phiếu kế toán kết chuyển chi phí, doanh thu sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, các nghiệp vụ trên được ghi chép vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào các Sổ cái của các tài khoản liên quan. Số liệu trên Sổ cái của các tài khoản trên được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Đồ hộp Hạ Long được khái quát qua sơ đồ 2.10.



Sơ đồ 2.10 – Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Đồ hộp Hạ Long

2.2.6.4. Ví dụ minh họa

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

❖ Ví dụ 2.11:

Ngày 31/12/2010, công ty CP ĐHHL tiến hành kết chuyển chi phí, doanh thu sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh quý 4 năm 2010.

Các bút toán kết chuyển chi phí, doanh thu có thể được khái quát qua sơ đồ sau:



Cuối quý, kế toán lập Phiếu kế toán số 362,363,364,365,366,367 (Biểu 2.30, 2.31, 2.32, 2.33, 2.34, 2.35). Căn cứ vào các Phiếu kế toán trên, kế toán ghi chép vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào các Sổ cái của các tài khoản liên quan. Số liệu trên Sổ cái của các tài khoản trên được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 362

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển khoản giảm trừ doanh thu quý 4	512	532	212.490.334	
Cộng			212.490.334	

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.30 – Phiếu kế toán số 362

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 363

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4	511	911	548.407.096	
Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ quý 4	512	911	72.259.394.263	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515	911	838.283.580	
Kết chuyển thu nhập khác quý 4	711	911	428.737.990	
Cộng			74.074.822.929	

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.31 – Phiếu kế toán số 363

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 364

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911	632	55.650.353.067	
Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911	635	175.545.982	
Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4	911	641	1.888.606.112	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4	911	642	8.569.599.773	
Kết chuyển chi phí khác quý 4	911	811	381.826.748	
Cộng			66.665.931.682	

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.32 – Phiếu kế toán số 364

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số: 365

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN quý 4	821	3334	1.593.795.500	
Cộng			1.593.795.500	

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.33 – Phiếu kế toán số 365

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số: 366

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4	911	821	1.593.795.500	
Cộng			1.593.795.500	

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.34 – Phiếu kế toán số 366

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số: 367

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển lãi quý 4	911	421	5.815.095.747	
Cộng			5.815.095.747	

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.35 – Phiếu kế toán số 367

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
			Phát sinh trong quý 4					
							
31/12/10	PKT362	31/12/10	Kết chuyển khoản giảm trừ doanh thu quý 4			512 532	212.490.334	212.490.334
31/12/10	PKT363	31/12/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4 Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ quý 4 Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4 Kết chuyển thu nhập khác quý 4			511 512 515 711 911	548.407.096 72.259.394.263 838.283.580 428.737.990	74.074.822.929
31/12/10	PKT364	31/12/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4 Kết chuyển chi phí tài chính quý 4 Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4 Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4 Kết chuyển chi phí khác quý 4			911 632 635 641 642 811	66.665.931.682	55.650.353.067 175.545.982 1.888.606.112 8.569.599.773 381.826.748
31/12/10	PKT365	31/12/10	Xác định thuế TNDN quý 4			821 3334	1.593.795.500	1.593.795.500
31/12/10	PKT366	31/12/10	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4			911 821	1.593.795.500	1.593.795.500
31/12/10	PKT367	31/12/10	Kết chuyển lãi quý 4			911 421	5.815.095.747	5.815.095.747
			Cộng phát sinh quý 4				1.084.743.344.716	1.084.743.344.716
			Cộng phát sinh cả năm				3.448.142.915.685	3.448.142.915.685

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.36 – Sổ Nhật ký chung

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu : 911

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 4					
31/12/10	PKT363	31/12/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4			511		548.407.096
			Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ quý 4			512		72.259.394.263
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4			515		838.283.580
			Kết chuyển thu nhập khác quý 4			711		428.737.990
31/12/10	PKT364	31/12/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4			632	55.650.353.067	
			Kết chuyển chi phí tài chính quý 4			635	175.545.982	
			Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4			641	1.888.606.112	
			Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4			642	8.569.599.773	
			Kết chuyển chi phí khác quý 4			811	381.826.748	
31/12/10	PKT366	31/12/10	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4			821	1.593.795.500	
31/12/10	PKT367	31/12/10	Kết chuyển lãi quý 4			421	5.815.095.747	
			Cộng số phát sinh quý 4				74.074.822.929	74.074.822.929
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				269.541.009.112	269.541.009.112

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.37 – Sổ cái TK 911

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu : 821

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/r	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 4					
31/12/10	PKT365	31/12/10	Xác định thuế TNDN quý 4			3334	1.593.795.500	
31/12/10	PKT366	31/12/10	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4			911		1.593.795.500
			Cộng số phát sinh quý 4				1.593.795.500	1.593.795.500
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				4.337.110.085	4.337.110.085

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.38 – Sổ cái TK 821

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu : 421

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					9.970.574.202
			Số dư đầu quý 4					10.391.653.899
			Phát sinh trong quý 4					
31/12/10	PKT367	31/12/10	Kết chuyển lãi quý 4			911		5.815.095.747
			Cộng số phát sinh quý 4				-	5.815.095.747
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				36.815.241.586	43.051.417.030
			Số dư cuối quý 4					16.206.749.646

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.39 – Sổ cái TK 421

CHƯƠNG III – MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

3.1.1. Ưu điểm

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long, em đã hiểu biết thêm về thực tế tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp và có cơ hội đối chiếu thực tế với lí luận. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có những ưu điểm như sau:

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình phân tán, phân thành cấp : kế toán văn phòng công ty và kế toán tại các chi nhánh. Tại văn phòng công ty và tại các chi nhánh đều có sổ sách và báo cáo kế toán riêng. Cuối kì, các chi nhánh gửi báo cáo lên văn phòng công ty để kế toán trưởng tại văn phòng công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long là một công ty lớn, địa bàn kinh doanh rộng, phân tán. Trong điều kiện này, công ty buộc phải phân cấp tổ chức kế toán. Do đó, công ty đã lựa chọn mô hình kế toán phân tán. Theo em, đây là sự lựa chọn hết sức đúng đắn. Mô hình này sẽ giúp giảm bớt sự chồng chéo về bộ máy nhân sự, mà vẫn đảm bảo cho việc chỉ đạo tại chỗ của đơn vị cấp trên đối với đơn vị cấp dưới được chặt chẽ. Với mô hình này, công tác kế toán tại văn phòng công ty cũng như tại các chi nhánh sẽ dễ dàng thực hiện hơn. Đặc biệt, trong điều kiện sản lượng tiêu thụ và doanh thu bán hàng của công ty rất lớn thì công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của công ty sẽ dễ thực hiện và theo dõi hơn. Đồng thời, ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm được tình hình hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lí và đề ra các chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Mặt khác, các

cơ quan quản lý, ngân hàng, các cổ đông,... cũng có thể nắm bắt được các thông tin về Công ty để thuận tiện cho việc quản lý, giám sát, hay có thể bảo vệ quyền lợi của họ.

Tại văn phòng công ty, bộ máy kế toán rất gọn nhẹ. Các thành viên trong phòng Kế toán – Tài chính đều có trình độ và năng lực cao, giàu kinh nghiệm, nhiệt tình. Các thành viên đều được phân công công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chuyên môn của họ, tạo điều kiện chuyên môn hóa công việc và nâng cao trình độ kế toán viên.

❖ Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo qui định tại thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Về cơ bản, công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Ngoài ra, công ty có sử dụng thêm một số tiểu khoản riêng để phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh và công tác kế toán của mình.

Tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long, mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều có đầy đủ các chứng từ liên quan, đảm bảo cho công tác kế toán được thực hiện đúng đắn và việc kiểm tra, đối chiếu số liệu diễn ra dễ dàng, chính xác.

❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

❖ Về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Về công tác kế toán doanh thu : Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Từ đó, góp phần giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin một cách xác thực nhất cho ban lãnh đạo của công ty.

Về công tác kế toán chi phí : Chi phí là một chỉ tiêu mà các nhà quản lý luôn luôn quan tâm và tìm mọi cách để tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận. Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần

thiết. Công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này rất phù hợp với công ty có nhiều mặt hàng như Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long.

Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh : công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty. Các kế toán, đặc biệt là kế toán trưởng rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được họ tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán của Bộ Tài chính ban hành, qua đó phản ánh xác thực hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán tại công ty cũng khó tránh khỏi một số hạn chế. Sau đây là các hạn chế của công ty mà em tìm hiểu được:

❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò hết sức quan trọng. Công tác kế toán sẽ thực sự đạt hiệu quả khi có một hệ thống sổ sách phù hợp với quy mô và hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Một hệ thống sổ sách đầy đủ phải bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và hệ thống sổ chi tiết. Tuy nhiên, khi hạch toán chi phí, doanh thu công ty mới chỉ sử dụng hệ thống sổ tổng hợp.

Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long có rất nhiều mặt hàng, doanh thu tiêu thụ hàng năm cũng đạt tới 12 con số, nhưng khi hạch toán doanh thu công ty mới chỉ lập Sổ Nhật ký chung và Sổ cái chứ chưa lập Sổ Chi tiết bán hàng và Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Điều này gây khó khăn rất lớn cho việc theo dõi và xác định sản lượng, doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng, cũng như khó xác định được lợi nhuận gộp mà từng mặt hàng đem lại. Vì thế, khó có thể kết luận được những mặt hàng nào bán chạy, đem lại lợi nhuận gộp cao, cần đẩy mạnh sản xuất hay mặt hàng nào không được ưa chuộng, đem lại lợi nhuận gộp thấp, cần xem xét, nghiên cứu để nâng cao chất lượng. Từ đó, Ban lãnh đạo công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong việc đề ra các chiến lược phát triển sản xuất, kinh doanh cho các kỳ tiếp theo.

Mặc dù công ty rất chặt chẽ trong việc quản lý chi phí, nhưng cũng vì khối lượng công việc quá lớn, mà bộ máy kế toán thì quá ít người, không hạch toán được chi tiết các khoản chi, nên công ty không mở các tiểu khoản, đồng thời không mở sổ chi tiết

để theo dõi các khoản chi phí như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc theo dõi và quản lý chi phí, kiểm tra và đối chiếu các sổ sách kế toán. Đồng thời không thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng cụ thể, công ty sẽ khó xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

❖ *Về việc hiện đại hóa công tác kế toán*

Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long là một công ty lớn, được thành lập cách đây hơn 50 năm. Các nhân viên kế toán của công ty đều có nhiều năm kinh nghiệm với sổ sách nhưng công ty vẫn sử dụng hình thức thủ công. Mặc dù kế toán của công ty có trình độ cao, nhưng với sản lượng tiêu thụ rất lớn, doanh thu tiêu thụ và chi phí mỗi năm lên tới hàng trăm tỷ đồng, phòng Kế toán – Tài chính khó có thể theo dõi và quản lý chi tiết từng mặt hàng, từng khoản mục nếu không hiện đại hóa công tác kế toán.

❖ *Về việc áp dụng kế toán quản trị*

Hiện nay, hệ thống kế toán của công ty vẫn thiên về lĩnh vực kế toán tài chính. Kế toán quản trị chưa được chú trọng, đội ngũ nhân viên kế toán chưa được phân công công việc rõ ràng, cụ thể thành hai nhánh là kế toán tài chính và kế toán quản trị. Do đó, các thông tin kế toán phục vụ cho các nhà quản trị công ty vẫn còn nhiều hạn chế. Để hệ thống kế toán của công ty có thể phát huy tốt nhất chức năng của mình thì việc tổ chức hệ thống kế toán này theo mô hình hỗn hợp, gồm hai phân hệ kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một hệ thống kế toán là hết sức cần thiết.

❖ *Về chính sách chiết khấu thương mại*

Hiện tại, công ty mới chỉ có chính sách khuyến mại bằng hiện vật, chứ chưa có chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng khi mua với số lượng lớn. Điều này có thể sẽ ảnh hưởng tới tính cạnh tranh của sản phẩm của công ty.

❖ *Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán*

Về cơ bản, mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng theo trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ, vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Lợi nhuận luôn là chỉ tiêu mà các chủ doanh nghiệp quan tâm, nó cho biết hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả không và hiệu quả tới mức nào. Để đạt được lợi nhuận cao thì công ty không chỉ chú trọng vào tăng doanh thu mà còn phải kiểm soát chặt chẽ chi phí, và phải tính toán chính xác kết quả hoạt động kinh doanh. Bởi vậy, công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là vô cùng quan trọng. Nó ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả cuối cùng mà công ty đạt được. Mỗi công ty đều có những hạn chế nhất định, nếu không khắc phục chúng thì sẽ ảnh hưởng theo hướng tiêu cực tới lợi nhuận của công ty. Như đã nói ở trên, Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long cũng còn một số hạn chế nhất định. Vì thế, việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long là hết sức cần thiết. Việc hoàn thiện này sẽ giúp cho công ty hạch toán được đầy đủ và chi tiết hơn các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ, đồng thời lập đầy đủ sổ sách kế toán, qua đó cung cấp đầy đủ, chi tiết, kịp thời các thông tin cần thiết cho Ban quản lý của công ty và các đối tượng khác có liên quan.

3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

3.2.2.1. Đẩy mạnh quảng cáo, giới thiệu sản phẩm.

Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long là một trong số những công ty ít góp mặt trong các quảng cáo trên các phương tiện truyền thông có ảnh hưởng lớn như Đài phát thanh, truyền hình, hay trên pano, áp phích... Công ty chủ yếu chỉ có hoạt động quảng cáo trên các tạp chí với cường độ xuất hiện không cao. Mặc dù chi phí cho hoạt động quảng cáo trên các Đài phát thanh, truyền hình,... là không nhỏ, nhưng lợi ích thu về là rất lớn, thậm chí doanh số đạt được có thể lớn hơn nhiều so với chi phí bỏ ra. Bên cạnh đó, công ty cũng nên đề ra các khẩu hiệu độc đáo để thu hút người tiêu dùng.

Mặc dù công tác quảng cáo, marketing cần được chú trọng, nhưng công ty cũng không nên sa vào lãng phí mà cần phải có chiến lược hợp lý. Đối với phương tiện quảng bá ít tốn kém như pano, áp phích thì công ty nên sử dụng thường xuyên. Đối với phương tiện quảng bá chi phí lớn như Đài phát thanh, truyền hình thì công ty nên thực hiện theo từng đợt. Ví dụ như các dịp khuyến mại, thời gian công ty tung sản phẩm mới ra thị trường hay thay đổi mẫu mã sản phẩm..

3.2.2.2. Tăng cường áp dụng các biện pháp kinh tế, tài chính để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, khuyến khích làm tốt công tác bán hàng.

Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long đã sử dụng đòn bẩy kinh tế, tài chính một cách rộng rãi đối với toàn bộ hệ thống phân phối. Trong đó có việc quy định phần trăm chiết khấu cho từng bậc đại lý: đại lý cấp I là 6%, cấp II là 5%. Còn đối với các đại lý bán buôn khác (nhưng không thuộc hệ thống phân phối của công ty) sẽ được hưởng chiết khấu là 3% trên tổng đơn hàng. Đây là hình thức chiết khấu truyền thống của công ty. Tuy nhiên có một điều đáng chú ý ở đây. Đó là việc mức độ chiết khấu của công ty có phần thấp hơn so với các đối thủ cạnh tranh. Lấy ví dụ là công ty Vissan, công ty này được đánh giá là đối thủ cạnh tranh lớn nhất của Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long. Họ đưa ra mức chiết khấu với đại lý cao hơn so với Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long. Cụ thể như sau: đại lý cấp I là 7%, cấp II là 6%. Thiết nghĩ, với mức chiết khấu cho đại lý thấp hơn so với đối thủ cạnh tranh thì không loại trừ khả năng các đại lý có phần thiên vị với sản phẩm của Vissan hơn, điều này sẽ gây cản trở cho việc tiêu thụ sản phẩm của công ty. Theo em, công ty nên xem xét nâng mức chiết khấu với các đại lý. Có thể nâng mức chiết khấu với đại lý cấp I lên thành 7-7,5%, cấp 2 lên thành 6-6,5%. Điều này sẽ tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của công ty.

Ngoài ra, công ty cũng nên áp dụng chính sách hỗ trợ lương cho nhân viên bán hàng của các đại lý. Nếu như một đại lý được xác nhận là đạt được các tiêu chuẩn mà công ty đưa ra về số lượng tiêu thụ và doanh thu bán hàng ở tháng nào thì công ty sẽ hỗ trợ tiền lương của nhân viên đại lý này 1,5% doanh thu bán hàng trong tháng đó. Đây sẽ là chính sách có tác dụng như một đòn bẩy mạnh mẽ trong việc nâng cao trách nhiệm của các nhân viên bán hàng, phát huy được khả năng sáng tạo và năng lực làm việc của họ. Mức hỗ trợ lương cho nhân viên bán hàng có thể giảm dần theo cấp đại lý.

Ví dụ, mức hỗ trợ lương đối với đại lý cấp I sẽ cao hơn so với đại lý cấp II. Ban đầu, có thể chi phí bán hàng tăng lên, làm giảm lợi nhuận, nhưng về lâu về dài, tình trạng này sẽ thay đổi theo hướng ngược lại, đó là hàng bán được nhiều hơn, doanh thu tăng lên, làm tăng lợi nhuận. Đồng thời, với chính sách này, công ty sẽ tạo điều kiện cho các nhân viên gắn bó hơn với công ty, làm việc có trách nhiệm cao hơn, bán được nhiều sản phẩm hơn, góp phần làm tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

Có thưởng nhưng cũng cần có phạt. Đối với những nhân viên hay vi phạm nội quy của công ty, với những đại lý làm việc ỷ lại, không đảm bảo được mức doanh thu tối thiểu mà công ty đề ra, thì công ty nên có những hình thức phạt thích đáng. Có như vậy thì từ mỗi nhân viên cho đến các đại lý mới phấn đấu làm việc hết sức mình, góp phần vào lợi ích chung của công ty, qua đó làm tăng lợi nhuận của công ty.

3.2.2.3. Tổ chức tốt công tác điều tra, nghiên cứu thị trường

Phương châm “bán cái mà thị trường cần chứ không phải cái mà mình có” chắc hẳn không lạ lẫm với những người làm kinh doanh. Để thực hiện được điều này, công ty cần chú trọng tới công tác điều tra, nghiên cứu thị trường. Nó sẽ giúp cho công ty nắm bắt được nhu cầu và sức mua của thị trường, biết được tình hình cạnh tranh trên thị trường. Hiện tại, công ty cũng có quan tâm tới công tác này, tuy nhiên vẫn còn mang nặng tính hình thức, dựa trên số liệu thống kê là chủ yếu. Bởi lẽ, công tác điều tra chủ yếu dựa vào các báo cáo hàng tuần, hàng tháng của các chi nhánh, đại lý và trung tâm tiêu thụ gửi về công ty. Nguồn số liệu do nhân viên tại các địa điểm trên lập và chuyển về công ty, khó có thể khẳng định là không có sai sót, dù có thể sự sai sót là không lớn nhưng sự đúng đắn và chính xác cũng khó có thể khẳng định được ở mức độ cao. Trong bộ máy quản lý của công ty không có trung tâm hay phòng ban nào chuyên về điều tra, nghiên cứu thị trường. Ngoài ra, công ty cũng chưa có những cuộc thăm dò thị trường với quy mô lớn. Vì thế, việc lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm chưa thật sự đạt hiệu quả, nhất là đối với các mặt hàng xuất khẩu. Để khắc phục hạn chế này, thì công ty nên tham khảo một số giải pháp sau:

Công ty nên lập ra trung tâm hoặc phòng ban chịu trách nhiệm về công tác điều tra, nghiên cứu thị trường. Cùng với đó là đội ngũ nhân sự trẻ trung, năng động, sáng

tạo, có kiến thức chuyên môn vững vàng, có khả năng thu thập, phân tích thông tin, từ đó đưa ra những dự đoán chính xác về thị trường.

Trung tâm hoặc phòng ban này sẽ có nhiệm vụ tìm kiếm, tích lũy thông tin về thị trường để phân tích được nhu cầu của thị trường đặc biệt là nhu cầu có khả năng thanh toán. Công ty có thể nắm bắt thông tin qua sách, báo, tạp chí mà công ty đặt mua thường xuyên. Thông tin từ các nguồn này hầu hết là chính xác và đã có sự phân tích, đánh giá của các chuyên gia, vì thế độ tin cậy tương đối cao. Tuy nhiên, những nguồn này lại phổ biến, dễ tìm kiếm, dẫn đến đối thủ cạnh tranh đều biết và khai thác. Để chiến thắng trong cạnh tranh, công ty nên sử dụng một số nguồn khác ít phổ biến hơn như thông tin nội bộ, tổ chức môi giới thông tin. Thông tin từ các nguồn này tuy rất khó kiếm, nhưng có độ chính xác và nhanh nhạy cao.

Với các thông tin đã thu nhận được, công ty cần phân loại theo nhu cầu: nhu cầu thực tế, nhu cầu tiềm ẩn, nhu cầu có khả năng thanh toán cụ thể cho từng thị trường. Qua đó, công ty sẽ đề ra được các chiến lược phát triển sản xuất, kinh doanh hợp lý hơn.

Công ty cũng có thể tham khảo một biện pháp đơn giản để thu thập thông tin là đặt các hòm thư góp ý tại các địa điểm phân phối. Chắc chắn công ty sẽ nhận được những góp ý bổ ích cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

3.2.2.4. Hoàn thiện chính sách chiết khấu thương mại tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Hiện tại, công ty mới chỉ có chính sách khuyến mại bằng hiện vật. Công ty nên có chính sách chiết khấu thương mại cho người mua khi mua với số lượng lớn, như vậy sẽ tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của công ty.

Công ty có thể đưa ra các mức chiết khấu thương mại dưới dạng phần trăm của doanh thu thu được từ mỗi loại sản phẩm, hoặc có thể dưới dạng một khoản tiền nhất định.

- Để hạch toán khoản chiết khấu thương mại này công ty nên sử dụng Tài khoản 521 – “Chiết khấu thương mại”.

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ

dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

Kết cấu Tài khoản 521 :

Bên Nợ : Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có : Cuối kì kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và Tài khoản 512 – “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kì báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kì.

- Trong kỳ, khi phát sinh khoản chiết khấu thương mại, kế toán ghi :

Nợ TK 521 – Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311) (nếu có)

Có TK 111, 112, 136,...

Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ :

Nợ TK 511, 512

Có TK 521 – Chiết khấu thương mại

3.2.2.5. Đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng có giá bán và lãi gộp cao để mở rộng tiêu thụ đồng thời đảm bảo tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Tính đến nay, Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long đã sản xuất và tiêu thụ rất nhiều chủng loại sản phẩm, nhưng mỗi loại lại có giá bán và lãi gộp khác nhau. Để tăng doanh thu và lợi nhuận thì công ty nên chú trọng vào những mặt hàng đem lại lãi gộp cao hơn. Để nắm được cụ thể tình hình tiêu thụ và lãi gộp của từng mặt hàng thì công ty nên mở các Sổ chi tiết bán hàng chi tiết theo từng mặt hàng. Đồng thời, công ty nên mở các Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho các tài khoản như 632, 641, 642. Đối với Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh mở cho tài khoản 632, thông qua sổ này, công ty có thể nắm được giá vốn của từng mặt hàng, qua đó biết được lãi gộp mà từng mặt hàng đem lại. Từ đó, công ty sẽ hoàn toàn nắm được mặt hàng nào đem lại lãi gộp cao, cần đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ. Đồng thời cũng biết được mặt hàng nào đem lại lãi gộp thấp, cần nghiên cứu nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã. Ngoài ra, Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh mở cho các tài khoản 641, 642 sẽ giúp công ty quản lý được chi tiết

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

từng yếu tố chi phí, tạo điều kiện để tiết kiệm được chi phí, từ đó nâng cao lợi nhuận. Hiện tại thì công ty mới chỉ thiên về hệ thống sổ tổng hợp, vì thế công ty nên xem xét hoàn thiện hơn hệ thống sổ chi tiết của mình. Qua đó, Ban lãnh đạo sẽ nắm được rõ tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, từ đó có các chính sách, chiến lược đúng đắn hơn.

* Đối với kế toán doanh thu, công ty nên lập các “Sổ chi tiết bán hàng” chi tiết theo từng sản phẩm. Có như vậy thì công ty mới nắm được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm, qua đó biết được doanh thu, giá vốn, lãi gộp của từng sản phẩm, để nắm được sản phẩm nào đem lại lợi nhuận cao, sản phẩm nào làm giảm lợi nhuận. Trên cơ sở đó, công ty sẽ biết được mặt hàng nào đang được ưa chuộng và mặt hàng nào đang kém cạnh tranh trên thị trường, để đưa ra được các chiến lược kinh doanh phù hợp nhằm đẩy mạnh tình hình tiêu thụ sản phẩm và nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Bên cạnh việc lập Sổ chi tiết bán hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết bán hàng vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Sau đó, kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với Sổ cái Tài khoản 511, Tài khoản 512 để kiểm tra xem số liệu có chính xác và logic không. Việc lập các Sổ này giúp cho công tác quản lý kế toán doanh thu được cụ thể và chặt chẽ hơn.

Dưới đây là mẫu Sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.1) và mẫu Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng (Biểu 3.2).

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư) :

Năm :

Quyển số :

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
			Cộng số phát sinh						
			-Doanh thu thuần						
			-Giá vốn hàng bán						
			-Lãi gộp						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.1 – Mẫu Sổ chi tiết bán hàng

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng năm.....

STT	Tên hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	Số phát sinh	
		Nợ	Có
	Cộng		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.2 – Mẫu Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ, ngoài các Sổ sách công ty đã lập như Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, kế toán sẽ ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bán hàng vào Sổ chi tiết bán hàng.

Nghiệp vụ phát sinh liên quan đến mặt hàng nào sẽ được phản ánh vào Sổ chi tiết bán hàng của mặt hàng đó.

Cuối tháng, số liệu của các mặt hàng trên các Sổ chi tiết bán hàng được tổng hợp vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng.

❖ Ví dụ 3.1 : (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá bán của ví dụ 2.1)

Ngày 1/12/2010, Công ty CP ĐHHL bán hàng cho chi nhánh của công ty tại Hà Nội. Giá vốn 26.569.920VNĐ, giá bán chưa thuế GTGT 10% là 37.833.120VNĐ.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 26.569.920

Nợ TK 136 : 41.616.432

Có TK 155 : 26.569.920

Có TK 512 : 37.833.120

Có TK 3331 : 3.783.312

* Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0001850 (Biểu 2.1), kế toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.3).

Cuối tháng, số liệu trên Sổ chi tiết bán hàng của sản phẩm này được tổng hợp vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư) : Thịt lợn xay số 5 khóa 170g/h
Năm : 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/u	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
								
01/12/10	HĐ0001850	01/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội	136	3.120	12.126	37.833.120		
02/12/10	HĐ0001854	02/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hải Phòng	136	3.319	12.126	40.246.194		
03/12/10	HĐ0001857	03/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Đà Nẵng	136	2.358	12.126	28.593.108		
05/12/10	HĐ0001861	05/12/10	Bán hàng cho CN cty tại TP.HCM	136	2.740	12.126	33.225.240		
07/12/10	HĐ0001864	07/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội	136	885	12.126	10.731.510		
10/12/10	HĐ0001868	10/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hải Phòng	136	1.050	12.126	12.732.300		
15/12/10	HĐ0001876	15/12/10	Bán hàng cho CN cty tại TP.HCM	136	920	12.126	11.155.920		
								
			Cộng số phát sinh						
			-Doanh thu thuần						
			-Giá vốn hàng bán						
			-Lãi gộp						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.3 – Sổ chi tiết bán hàng

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

* Đối với kế toán chi phí, công ty nên mở “Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh” chi tiết theo từng khoản chi phí. Hiện tại, công ty chỉ lập Sổ cái cho các tài khoản chi phí như 632, 641, 642,... Như vậy thì không thể theo dõi được chi tiết từng khoản chi, gây khó khăn cho việc quản lý.

Đối với Tài khoản 632 – “Giá vốn hàng bán”, công ty nên mở các Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh cho từng mặt hàng, qua đó có thể biết được cụ thể giá vốn của từng mặt hàng, để từ đó tính được lợi nhuận gộp mà mỗi mặt hàng đem lại.

Đối với Tài khoản 641 – “Chi phí bán hàng”, Tài khoản 642 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”, công ty nên mở Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh để theo dõi chi tiết từng yếu tố chi phí. Cụ thể như sau:

TK 641 – “Chi phí bán hàng” sẽ chia ra thành các tiểu khoản:

TK 6411 : Chi phí nhân viên

TK 6412 : Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6413 : Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6414 : Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6415 : Chi phí bảo hành

TK 6417 : Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418 : Chi phí bằng tiền khác

TK 642 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ chia ra thành các tiểu khoản:

TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422 : Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424 : Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425 : Thuế, phí và lệ phí

TK 6426 : Chi phí dự phòng

TK 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428 : Chi phí bằng tiền khác

Dưới đây là mẫu Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (Biểu 3.4):

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

Tài khoản :

Tên phân xưởng :

Tên sản phẩm, dịch vụ :

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK ...					
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra				
					
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			Cộng phát sinh trong kỳ							
			Ghi Có TK ...							
			Số dư cuối kỳ							

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.4 – Mẫu Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ, ngoài các Sổ sách công ty đã lập như Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, kế toán sẽ ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vào các Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh.

Nghiệp vụ phát sinh liên quan đến giá vốn mặt hàng nào sẽ được phản ánh vào Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh của mặt hàng đó.

Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng như : Chi phí nhân viên; chi phí vật liệu, bao bì; chi phí dụng cụ, đồ dùng; chi phí khấu hao tài sản cố định; chi phí bảo hành; chi phí bằng tiền khác; chi phí dịch vụ mua ngoài sẽ được ghi tương ứng với các cột chi phí đã chia ra trong Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh của tài khoản 641.

Tương tự như vậy, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp như : Chi phí nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác sẽ được ghi tương ứng với các cột chi phí đã chia ra trong Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh của tài khoản 642.

❖ Ví dụ minh họa:

- Ví dụ 3.2 : (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 3.1)

Ngày 1/12/2010, Công ty CP ĐHHL bán hàng cho chi nhánh của công ty tại Hà Nội. Giá vốn 26.569.920VNĐ, giá bán chưa thuế GTGT 10% là 37.833.120VNĐ.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 26.569.920

Có TK 155 : 26.569.920

Nợ TK 136 : 41.616.432

Có TK 512 : 37.833.120

Có TK 3331 : 3.783.312

➤ Kế toán lập phiếu xuất kho số 1692 (Biểu 2.10). Căn cứ vào Phiếu xuất kho, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ trên vào Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (Biểu 3.5).

- Ví dụ 3.3 : (Minh họa tiếp nghiệp vụ của ví dụ 2.7)

Ngày 31/12/2010, công ty CP ĐHHL xuất 5 ram giấy in cho phòng Kế toán – Tài chính. Tổng số tiền là 250.000VNĐ.

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 250.000

Có TK 152 : 250.000

➤ Kế toán lập phiếu xuất kho số 1789 (Biểu 2.17), căn cứ vào Phiếu xuất kho, kế toán phản ánh nghiệp vụ trên vào Sổ chí phí sản xuất, kinh doanh (Biểu 3.6).

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản : 632

Tên sản phẩm, dịch vụ : Thịt lợn xay số 5 khóa 170g/h
Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK 632		
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Số phát sinh trong quý 4				
01/12/10	PX1692	01/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội	155	26.569.920	3.120	8.516
02/12/10	PX1698	02/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hải Phòng	155	28.599.823	3.319	8.617
03/12/10	PX1705	03/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Đà Nẵng	155	20.488.662	2.358	8.689
05/12/10	PX1709	05/12/10	Bán hàng cho CN cty tại TP.HCM	155	23.996.920	2.740	8.758
07/12/10	PX1713	07/12/10	Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội	155	7.864.110	885	8.886
						
			Cộng phát sinh trong quý 4				
			Ghi có TK 632	911			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.5 – Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản : 642

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK 642				
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra			
						TK6421	TK6422	TK6423	TK6424
			Số phát sinh trong quý 4						
								
31/12/10	PX1788	31/12/10	Xuất CCDC cho P. Kế toán-Tài chính	153	260.000			260.000	
31/12/10	PX1789	31/12/10	Xuất VPP cho P. Kế toán-Tài chính	152	250.000		250.000		
31/12/10	BPBKHT12	31/12/10	Trích khấu hao TSCĐ BP QLDN T12	214	149.598.659				149.598.659
31/12/10	BPBLT12	31/12/10	Tiền lương và các khoản trích theo lương cho P. Kế toán – Tài chính	334 338	36.547.900 6.800.538	36.547.900 6.800.538			
								
			Cộng phát sinh trong quý 4		8.569.599.773				
31/12/10	PKT364	31/12/10	Ghi có TK 642	911	8.569.599.773				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.6 – Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

3.2.2.6. Một số giải pháp khác

* Bộ máy kế toán

Hiện tại, văn phòng công ty mới chỉ có 5 kế toán, con số này em thấy vẫn chưa hợp lý so với quy mô hoạt động của công ty. Công ty nên tuyển thêm nhân viên kế toán, đặc biệt là những người vừa có trình độ chuyên môn cao vừa có khả năng sử dụng tốt nhiều phần mềm kế toán và tin học.

* Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Khối lượng công việc kế toán tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long là rất lớn, tuy nhiên công tác kế toán vẫn được thực hiện thủ công. Mặc dù phòng Kế toán – Tài chính được trang bị máy tính nhưng mới chỉ áp dụng Microsoft Excel. Công ty nên xem xét tới việc mua phần mềm kế toán hoặc có thể đặt hàng công ty chuyên nghiệp viết phần mềm kế toán phù hợp với tình hình công ty và cài đặt để sử dụng.

Hiện nay, em nhận thấy có khá nhiều phần mềm đang được sử dụng hoặc mới được đưa ra thị trường, như phần mềm kế toán MISA, SASINNOVA, EFFECT, MetaData Accounting,...

Phổ biến nhất là phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA. Trải qua các giai đoạn phát triển, tính đến nay, MISA có khá nhiều phiên bản. Đối với doanh nghiệp thì MISA SME.NET 2010 là sản phẩm phù hợp. Sản phẩm này được phát triển trên nền tảng .NET hiện đại nhất của Microsoft, tích hợp hàng loạt những tính năng ưu việt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý tài chính, kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010 gồm 13 phân hệ, và mỗi phân hệ đều có các tính năng riêng. Ví dụ như trong phân hệ thuế, MISA SME.NET 2010 có thể tự động lập bảng kê thuế đầu vào, đầu ra, tờ khai...; in báo cáo có mã vạch theo tiêu chuẩn của Tổng cục thuế. Đặc biệt, phiên bản này còn hỗ trợ doanh nghiệp tự tạo mẫu, phát hành, in và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP. Nó có thể đáp ứng 3 hình thức hóa đơn: Hóa đơn tự in, Hóa đơn đặt in, Hóa đơn điện tử. Nó cũng có thể quản lý được số hóa đơn hủy, mất, cháy, hỏng, xóa bỏ và tự động lập Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn. Phần mềm này có những đặc điểm thích hợp với công ty. Trong 13 phân hệ của MISA SME.NET 2010 có phân hệ cổ đông, nhờ đó nó có thể quản lý sổ cổ đông, phát hành cổ phiếu, chia cổ tức; hay cung cấp công cụ gửi thư, Email,

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

SMS để gửi thông báo và liên lạc với cổ đông. Tính năng này rất phù hợp với công ty cổ phần. Giá cả của phiên bản phần mềm này cũng không cao, theo thông tin từ trang web của MISA thì phiên bản này có giá 6.950.000đ. Theo em, phần mềm này khá thích hợp với công tác kế toán của công ty.

Công ty cũng có thể cân nhắc phần mềm kế toán khác như *SAS INNOVA* của Công ty Cổ phần SIS Việt Nam. Hiện nay, *SAS INNOVA* có sản phẩm mới là *SAS INNOVA 2011 OPEN*. *SAS INNOVA 2011 OPEN* không những kế thừa những tính năng nổi trội của những phiên bản phần mềm kế toán trước đây mà còn phát triển nhiều tính năng mới xuất phát từ yêu cầu đòi hỏi của người kế toán và nhà quản trị doanh nghiệp trong xử lý công việc thực tế hàng ngày. Sau khi cập nhật phần lớn tất cả các lỗi phiên bản trước, phiên bản này có nhiều tính năng ưu việt như : Tự động tạo phiếu thu, phiếu chi và phiếu nhập, phiếu xuất trên hóa đơn mua hàng, bán hàng; tích hợp mã vạch 2 chiều để in Tờ khai thuế; bổ sung thêm trạng thái của chứng từ nhằm mềm dẻo quá trình quản lý, giảm các khâu công việc chồng chéo, theo dõi được tình trạng xử lý của công việc, phản ánh chính xác tình trạng của công việc; phân quyền chương trình đến từng chức năng, từng thao tác của người sử dụng; nó cho phép khấu trừ lùi thuế, tiện ích cho người sử dụng có thể tính thuế xuôi hoặc ngược. Phần mềm này có thể hỗ trợ được các loại hình thức sổ kế toán và cũng khá phù hợp với Công ty CP Đồ hộp Hạ Long.

Một phần mềm khác cũng được quan tâm là *EFFECT* của Công ty cổ phần phần mềm *EFFECT*. Nếu như trước đây, Công ty phần mềm *EFFECT* chỉ cung cấp dòng sản phẩm *Customize* cho mảng doanh nghiệp vừa và lớn thì giờ đây cả các doanh nghiệp nhỏ cũng có thể lựa chọn được dòng sản phẩm phần mềm kế toán *EFFECT* tương ứng phù hợp về tính năng, giá cả và đặc biệt là đơn giản, dễ sử dụng. Tuy nhiên, để phù hợp với Công ty lớn và có hoạt động phân tán như Công ty CP Đồ hộp Hạ Long thì *EFFECT-SQL 3.0* và *EFFECT-SQL 4.0* là các phiên bản phù hợp. Đây là các dòng sản phẩm kế toán *Customize* – các dòng sản phẩm phần mềm kế toán có thể sửa đổi theo yêu cầu đặc thù riêng của doanh nghiệp trong quá trình triển khai phần mềm, đáp ứng cho mảng doanh nghiệp vừa và lớn có quy mô và mức độ yêu cầu sửa đổi phần mềm khác nhau theo yêu cầu riêng. Về cơ bản, *EFFECT-SQL 4.0* giống như

dòng sản phẩm EFFECT-SQL 3.0, nhưng được cải tiến để chạy được trên mạng tốc độ thấp là VPN để có thể vận hành phần mềm từ xa. Dù doanh nghiệp không cần chạy phần mềm từ xa nhưng nếu số lượng máy trạm tác nghiệp trên phần mềm ở mức trên 40 máy thì công ty cũng cần xem xét lựa chọn dòng sản phẩm EFFECT-SQL 4.0 vì dòng sản phẩm này cho phép hàng trăm máy trạm hoạt động trên mạng nội bộ. Tuy nhiên, giá cả của các dòng sản phẩm Customize là không nhỏ, giao động từ 1.000 USD đến 20.000 USD (tương đương từ 20 triệu đến 400 triệu đồng). Bên cạnh đó, giao diện của phần mềm kế toán EFFECT hơi khó thân thiện với người mới tiếp cận và cấu trúc cơ sở dữ liệu khá phức tạp, đòi hỏi người dùng phải có kiến thức và chuyên môn kế toán tốt.

Tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng tài chính của công ty mà Ban lãnh đạo nên quyết định xem mua phần mềm kế toán nào để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

✱ *Vận dụng kế toán quản trị vào công tác kế toán tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long*

Kế toán là một công cụ quản lý quan trọng. Để kế toán có thể phát huy tốt nhất chức năng thông tin và kiểm tra của mình thì cần phải xây dựng một hệ thống kế toán hoàn chỉnh. Tức là vừa hướng về các quá trình và sự kiện kinh tế đã xảy ra (hướng về quá khứ); vừa giúp hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát và đưa ra được các quyết định đúng đắn (hướng về tương lai).

Ở nước ta hiện nay, nhận thức và hiểu biết về kế toán quản trị vẫn còn nhiều hạn chế và chưa hoàn toàn thống nhất cả về lí luận lẫn thực tiễn. Khái niệm “kế toán” để nói về hệ thống kế toán doanh nghiệp từ trước đến nay chỉ đề cập chủ yếu đến kế toán tài chính mặc dù hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam vẫn có những biểu hiện nhất định về kế toán quản trị. Vì vậy, việc tổ chức thực hiện kế toán quản trị là vấn đề có tính cấp thiết cả về lí luận lẫn thực tiễn ứng dụng, cả trong phạm vi doanh nghiệp lẫn trong phạm vi nền kinh tế.

Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long là một công ty lớn, chuyên sản xuất, chế biến đồ hộp và một số mặt hàng khác. Trải qua hơn 50 năm hoạt động, công ty không ngừng phát triển về mọi mặt. Trong sự phát triển đó có sự đóng góp không nhỏ của bộ phận kế toán. Tuy nhiên, hệ thống kế toán của công ty hiện nay vẫn thiên về lĩnh

vực kế toán tài chính. Kế toán quản trị chưa được chú trọng, đội ngũ nhân viên kế toán chưa được phân công công việc rõ ràng, cụ thể thành hai nhánh là kế toán tài chính và kế toán quản trị. Do đó, các thông tin kế toán phục vụ cho các nhà quản trị công ty vẫn còn nhiều hạn chế. Để hệ thống kế toán của công ty có thể phát huy tốt nhất chức năng của mình thì việc tổ chức hệ thống kế toán này theo mô hình hỗn hợp, gồm hai phân hệ kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một hệ thống kế toán là hết sức cần thiết.

Những nội dung kế toán quản trị cần nghiên cứu hoàn thiện tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long bao gồm:

- Thiết lập thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc lập kế hoạch tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long, trong đó đặc biệt quan tâm nghiên cứu về kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

- Thiết lập thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc điều hành và kiểm soát quá trình thực hiện kế hoạch, trong đó đặc biệt quan tâm nghiên cứu về tình hình thực hiện dự toán chi phí và tình hình hoạt động của các trung tâm trách nhiệm.

Để tổ chức thực hiện kế toán quản trị tại Công ty CP Đồ hộp Hạ Long, cần thực hiện đồng bộ một số biện pháp sau:

Xây dựng hệ thống chứng từ kế toán phù hợp với yêu cầu thực hiện nội dung kế toán quản trị tại công ty.

Đối với các chứng từ được phát hành từ bên trong công ty phản ánh chi phí phát sinh sẽ được thiết kế chi tiết hơn để nhằm đáp ứng được yêu cầu kiểm soát chi phí của các nhà quản trị. Cụ thể, khi thiết kế phải đảm bảo được yêu cầu phân loại chi phí theo cách ứng xử của nó đối với mức độ hoạt động thỏa mãn yêu cầu xác định các chỉ tiêu định mức làm căn cứ lập dự toán, và thuận lợi cho việc tập hợp chi phí theo các bộ phận, trung tâm trách nhiệm...

Xây dựng hệ thống tài khoản kế toán phù hợp với yêu cầu thực hiện nội dung kế toán quản trị.

Về cơ bản, việc xây dựng hệ thống tài khoản kế toán quản trị vẫn dựa trên hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Tuy nhiên do đặc điểm của kế toán quản trị là phải thích hợp với hệ thống quản lý phân

quyền, nên cần thiết kế hệ thống tài khoản cho việc ghi chép dữ liệu theo từng trung tâm trách nhiệm, đồng thời đảm bảo được mục đích của kế toán quản trị trong việc kiểm soát hoạt động của công ty thông qua việc thực hiện các dự toán ngân sách.

Xây dựng hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với yêu cầu thực hiện nội dung kế toán quản trị.

Ngoài việc sử dụng hệ thống sổ chi tiết được ban hành theo Quyết định số 15, công ty có thể thiết kế thêm một số sổ kế toán để theo dõi chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí cũng như làm cơ sở cho việc phân tích các biến động chi phí như: Sổ chi tiết chi phí vật liệu trực tiếp, Sổ chi tiết chi phí nhân công trực tiếp, Sổ chi tiết chi phí sản xuất chung, Sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị phù hợp với yêu cầu thực hiện nội dung kế toán quản trị.

Là phương tiện để truyền đạt thông tin đến các nhà quản trị, hệ thống báo cáo kế toán quản trị phải đảm bảo được yêu cầu cung cấp thông tin thích hợp, kịp thời và phù hợp theo từng đối tượng sử dụng thông tin với một chi phí xử lý thích hợp. Để đáp ứng được yêu cầu này, hệ thống báo cáo kế toán quản trị phải được xây dựng nhằm mục đích cung cấp thông tin hữu ích gắn liền với từng mục tiêu hoạt động cụ thể của từng doanh nghiệp. Vì những lý do đó, hệ thống báo cáo kế toán quản trị sẽ bao gồm các loại báo cáo sau:

- Báo cáo cung cấp thông tin phục vụ chức năng lập kế hoạch
- Báo cáo cung cấp thông tin cho việc điều hành và kiểm soát quá trình thực hiện kế hoạch
- Báo cáo chứng minh cho việc ra quyết định trong các trường hợp đặc biệt, như các cơ hội kinh doanh đặc biệt; các quyết định về đầu tư dài hạn

Xây dựng bộ máy kế toán của công ty nói chung và bộ máy kế toán quản trị nói riêng.

Như vậy, việc tổ chức hệ thống kế toán doanh nghiệp theo mô hình hỗn hợp, gồm hai phân hệ kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một hệ thống kế toán, trong cùng một bộ máy kế toán sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho chức năng thông

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

tin và kiểm tra của kế toán được toàn diện, phong phú và hiệu quả hơn. Vì vậy, bộ máy kế toán ở công ty cũng như ở các đơn vị thành viên sẽ bao gồm hai bộ phận: kế toán quản trị và kế toán tài chính. Vấn đề đặt ra ở đây là cần phải xác định được trình tự thu thập thông tin đầu vào của hai bộ phận này để xử lý nhằm cung cấp thông tin đầu ra cho phù hợp với chức năng của mỗi bộ phận.

Ngoại trừ những thông tin hỗ trợ như thông tin về các chính sách kinh tế - pháp lý, xã hội cũng như thông tin về thị trường liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty, phần lớn nguồn thông tin đầu vào có thể định lượng được của kế toán quản trị chính là sự khai thác chi tiết hơn thông tin kế toán tài chính. Vì vậy, việc nhập dữ liệu từ chứng từ gốc cũng như xử lý dữ liệu để lập các báo cáo tài chính sẽ được thực hiện bởi bộ phận kế toán tài chính, còn bộ phận kế toán quản trị sẽ có quyền đọc, khai thác, xử lý dữ liệu này bằng các công cụ tài khoản, sổ sách kế toán quản trị nhằm thiết lập hệ thống báo cáo kế toán phục vụ chức năng quản lý của các nhà quản trị.

* Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Để hạn chế việc mất mát hoặc bỏ sót khi giao nhận chứng từ và dễ dàng quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ trong trường hợp bị thất lạc, khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban cần có phiếu giao nhận chứng từ hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ. Như vậy, khi chứng từ bị thất lạc, các phòng ban có thể dễ dàng tìm lại chứng từ hoặc quy trách nhiệm cho cá nhân cụ thể. Công ty có thể tham khảo mẫu phiếu giao nhận chứng từ sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

Biểu 3.7 – Phiếu giao nhận chứng từ

KẾT LUẬN

Đối với mỗi công ty, lợi nhuận hết sức quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty. Để nâng cao lợi nhuận cần tăng doanh thu hoặc giảm chi phí. Đặc biệt, doanh thu phản ánh thị phần của mỗi doanh nghiệp trên thị trường, vì thế ngoài việc quản lý chặt chẽ chi phí thì phải đặc biệt chú trọng đẩy mạnh khả năng tiêu thụ sản phẩm. Để góp phần vào quá trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn về vấn đề này, tôi đã mạnh dạn nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long”**.

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, đề tài đã phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Đồng thời cũng đã vận dụng lý luận vào nghiên cứu thực tiễn ở Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long, trên cơ sở đó đưa ra những nội dung hoàn thiện phù hợp và có khả năng thực hiện được.

Thông qua các nội dung đã trình bày, đề tài đã hoàn thành các nhiệm vụ sau đây:

- Về mặt lý luận: đề tài đã bổ sung lý luận liên quan đến chế độ kế toán mới về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Về mặt thực tiễn: đề tài đã mô tả khá chi tiết về thực trạng công tác hạch toán kế toán chi phí, doanh thu và kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long năm 2010 theo hình thức Nhật ký chung từ khâu lập chứng từ như hóa đơn bán hàng,...đến việc ghi chép vào sổ sách kế toán như Sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản 511,512, 632,... Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long có quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh lớn, địa bàn kinh doanh rộng, phân tán. Tính đến năm 2010, công ty có tới 5 chi nhánh (hiện tại là 4 chi nhánh) lớn trên cả nước với doanh số không nhỏ. Theo số liệu năm 2010, doanh thu bán hàng và doanh thu bán hàng nội bộ tại riêng văn phòng công ty là gần 266,6 tỉ đồng, tại chi nhánh Hải Phòng là gần 70,6 tỉ đồng, tại chi nhánh Hà Nội là hơn 146,8 tỉ đồng, chi nhánh Đà Nẵng là gần 19,7 tỉ đồng, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là gần 37,5 tỉ đồng, chi nhánh Nha Trang là hơn 17,2 tỉ đồng. Điều này cho thấy thị phần của công ty trên thị trường trong và ngoài nước là rất lớn. Năm 2010, lợi nhuận sau thuế của văn phòng công ty nói riêng đạt gần

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

15,9 tỉ đồng, toàn công ty đạt gần 13,5 tỉ đồng. Mặc dù lợi nhuận của riêng văn phòng công ty là rất lớn, đạt tới gần 16 tỉ đồng, nhưng do chi nhánh Nha Trang bị thua lỗ nên lợi nhuận toàn công ty bị kéo tụt xuống chỉ còn hơn 13 tỉ đồng. Điều này chứng tỏ không chỉ công tác quản lý cần được chú ý mà công tác kế toán cũng phải được hoàn thiện hơn. Với hệ thống sổ sách chỉ thiên về hệ thống sổ tổng hợp, công tác kế toán thiên về kế toán tài chính, hình thức kế toán hiện tại là thủ công,...Ban lãnh đạo khó có thể theo dõi, quản lý được trọn vẹn hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty. Từ đó, khó có thể đưa ra được các chiến lược phát triển đúng đắn nhất. Bởi vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là rất cần thiết, qua đó sẽ giúp nâng cao lợi nhuận của toàn công ty.

Trên cơ sở đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế hạch toán kế toán chi phí, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long, đề tài đã đưa ra một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long, tập trung vào:

- Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết.
- Hiện đại hóa công tác kế toán.
- Vận dụng kế toán quản trị.
- Một số giải pháp khác

Với những hạn chế về mặt thời gian nghiên cứu và kiến thức chuyên môn cũng như kinh nghiệm thực tế nên nghiên cứu của em không tránh khỏi có những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long cùng các cô trong phòng Kế toán – Tài chính đã giúp đỡ em rất nhiều trong thời gian nghiên cứu đề tài. Đặc biệt em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh đã tận tình hướng dẫn để em có thể hoàn thành đề tài nghiên cứu của mình.

Hải Phòng, ngày 07 tháng 07 năm 2011

Sinh viên thực hiện

Đào Thu Hương